

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

**ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT
TÀI SẢN TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ**

HÀ NỘI - 2020

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

**ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT
TÀI SẢN TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 8380104

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. ĐINH THỊ MAI

HÀ NỘI - 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Học viên

Nguyễn Anh Tuấn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG	7
1.1. Một số vấn đề lý luận về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng	7
1.2. Nhận thức về điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng	20
Chương 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	32
2.1. Tình hình, đặc điểm có liên quan đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội	35
2.2. Tổ chức lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội trong hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng.....	44
2.3. Hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội.....	47
2.4. Nhận xét và đánh giá về hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội trong thời gian qua.....	61
Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	67
3.1. Dự báo một số tình hình có liên quan đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian tới.....	67
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội.....	74
KẾT LUẬN	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	79

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	:	Bộ luật hình sự
BLDS	:	Bộ luật dân sự
CQĐT	:	Cơ quan điều tra
ĐTV	:	Điều tra viên
KSV	:	Kiểm sát viên
LĐCĐTS	:	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản
NXB	:	Nhà xuất bản
TAND	:	Tòa án nhân dân
TTHS	:	Tổ tụng hình sự
TNHS	:	Trách nhiệm hình sự
VKS	:	Viện Kiểm sát
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa
TPHN	:	Thành phố Hà Nội
CSĐT	:	Cảnh sát điều tra

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Số bị can phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	33
Bảng 2.2 Tình hình lấy lời khai người bị hại	47
Bảng 2.3 Tình hình giải quyết TGTB về tội phạm	48
Bảng 2.4 Số đối tượng bị khởi tố bị can	50

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh Việt Nam đang có những bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội trong những năm gần đây, ngân hàng đã trở thành công cụ quan trọng giúp Chính phủ điều hành nền kinh tế, huy động vốn cho các dự án, là trung tâm thanh toán và thực thi chính sách tiền tệ, nơi tập trung khối lượng tiền, ngoại tệ, các giấy tờ có giá và các tài sản quý. Do đó, ngân hàng đã trở thành mục tiêu, điểm đến của các đối tượng tội phạm để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Trong giai đoạn nền kinh tế đất nước phát triển, nhiều tổ chức tín dụng đã nói lỏng điều kiện cho vay, điều kiện giao dịch trong khi trình độ quản lý chưa theo kịp yêu cầu quản trị rủi ro nên đã xảy ra nhiều sai phạm. Những sai phạm này đã không được phát hiện kịp thời hoặc phát hiện được nhưng chưa được xử lý nghiêm do năng lực thanh tra, giám sát của ngân hàng trong giai đoạn này còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và xu hướng hội nhập quốc tế hiện nay. Ngoài ra, cơ chế quản lý và chính sách pháp luật của Nhà nước không phải lúc nào cũng ngay lập tức phù hợp với thực trạng nền kinh tế, do đó tình hình tội phạm có nhiều biến đổi, đặc biệt, tình hình tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng ở Việt Nam đang diễn ra rất phức tạp, với tính chất, quy mô, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt và có chiều hướng ngày càng gia tăng. Đối tượng phạm tội trong lĩnh vực ngân hàng ngày càng đa dạng, bao gồm người Việt Nam và cả người nước ngoài, hoạt động trong quốc gia hoặc xuyên quốc gia với công nghệ cao. Các đối tượng phạm tội đã lợi dụng việc giao kết hợp đồng đầu tư, hợp đồng vay vốn hoặc sử dụng công nghệ cao khoa học tiên tiến để làm giả thẻ tín dụng, tìm kiếm thông tin về mã tài khoản, thẻ Visa, Master,... nhằm chiếm đoạt tài sản, gây thiệt hại lớn về tài sản của Nhà nước, cá nhân, tổ chức và xã hội, làm cản trở sự phát triển của đất nước.

Tuy không có số liệu thống kê đầy đủ nhưng trên địa bàn Hà Nội đã xảy ra một nhiều vụ phạm tội trong lĩnh vực ngân hàng (đúng ra là phạm tội trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng) với những phương thức, thủ đoạn phạm tội khác nhau. Cụ thể như:

- Cán bộ ngân hàng lập chứng từ không, ký giả chữ ký người khác để rút tiền của ngân hàng như vụ Hoàng Văn Luận ở Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Sài Đồng, Gia Lâm; vụ Lê Hoài Phương ở Ngân hàng Đầu tư và Phát triển quận Cầu Giấy v.v...

- Cán bộ ngân hàng sử dụng kỹ thuật công nghệ thông tin hoặc thông qua công

việc được giao để lén lút lấy thông tin, truy cập vào hệ thống máy tính của ngân hàng... và sử dụng nghiệp vụ ngân hàng để chiếm đoạt tài sản; như vụ Phan Văn Trường cùng đồng bọn phạm tội ở Ngân hàng Techcombank; vụ Nguyễn Thị Thủy Vân phạm tội Tham ô tài sản xảy ra ở Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn, Hà Nội (SHB); vụ Phan Việt Hà phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, xảy ra ở Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) v.v...

- Cán bộ ngân hàng lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao, có những hành vi gian dối khác như bán cổ phiếu không của ngân hàng, không nhập quỹ hoặc nhập quỹ không đầy đủ; lợi dụng lòng tin của nhiều người... để chiếm đoạt tài sản như vụ Lê Quang Hưng, cán bộ Ban trụ bị thành lập Ngân hàng thương mại cổ phần Hồng Việt; vụ Nguyễn Thanh Hà, kế toán ngân quỹ của Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, chi nhánh Tam Trinh, quận Hoàng Mai; vụ Nguyễn Thanh Hiệu, Trưởng phòng giao dịch thuộc Ngân hàng NN&PTNT huyện Thanh Trì v.v...
- Các đối tượng ngoài ngân hàng cấu kết với cán bộ ngân hàng làm giả hợp đồng mua bán hàng hóa; giả sổ đỏ rồi thế chấp tại ngân hàng; giả hồ sơ vay tiền rồi chiếm đoạt...

Theo đánh giá của VKSNDTC, tội phạm phát sinh liên quan đến hoạt động ngân hàng tập trung chủ yếu ở 04 tội danh là: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Vi phạm các quy định về cho vay; Cố ý làm trái; Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, trong đó tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm phần lớn và có xu hướng gia tăng trong giai đoạn từ năm 2013-2018.

Trước tình hình tội phạm diễn ra ngày một phức tạp như hiện nay, công tác phòng, chống tội phạm nói chung và công tác phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng đang được Chính phủ hết sức chú trọng, thể hiện qua Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/04/2016 phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030 và Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 25/04/2019 về tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”. Công tác điều tra đấu tranh phòng, chống tội phạm phải đảm bảo mọi hành vi phạm tội nói chung phải được kịp thời phát hiện, điều tra tỉ mỉ, thận trọng, khách quan và toàn diện để xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật hình sự, đồng thời không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người

vô tội, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, được tiến hành xuyên suốt trong cả hệ thống Cơ quan tư pháp. Quá trình phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm và người phạm tội chính là vận dụng mô hình pháp lý được quy định trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự vào thực tiễn công tác điều tra, xử lý tội phạm.

Xuất phát từ thực tế đó, có thể khẳng định rằng việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và đánh giá đúng đắn về thực trạng hoạt động điều tra vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng" của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội, trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra đối với loại vụ án này là một vấn đề cần thiết và cấp bách trong bối cảnh hiện nay. Với ý nghĩa đó, tác giả chọn đề tài: "*Điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng từ thực tiễn Thành phố Hà Nội*" làm đề tài nghiên cứu cho luận văn Thạc sĩ Luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm qua, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói chung đã được đề cập trong một số công trình khoa học ở các cấp độ luận văn, luận án, bình luận khoa học, đề tài khoa học các cấp và dưới dạng các bài báo khoa học. Các tác giả đã đề cập nghiên cứu các nội dung liên quan đến tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói chung trên các phương diện khác nhau thuộc các chuyên ngành Luật hình sự, tố tụng hình sự và cả tội phạm học.

Tiêu biểu, gồm: bài viết của GS.TS. Võ Khánh Vinh "Lý luận chung về định tội danh" (giáo trình sau đại học); một số luận văn thạc sĩ như luận văn của tác giả Dương Thị Ngọc Thuỷ về "Đấu tranh phòng chống tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh" và mới đây nhất là luận án tiến sĩ của tác giả Nguyễn Đình Trung về "Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng". Ngoài ra, còn có một số bài viết đăng trên các tạp chí của Toà án, Viện kiểm sát, như bài viết của tác giả Trần Công Phàn về "Phân biệt tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trong trường hợp liên quan đến vi phạm hợp đồng", bài viết của tác giả Nguyễn Quang Hiền về "Nhận diện tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng và các kiến nghị phòng ngừa, xử lý trên Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp..."

Qua nghiên cứu cho thấy, nhìn chung các tác giả đã phân nào nêu được những đặc điểm, phương thức thực hiện của tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng, phân tích

nguyên nhân của thực trạng tội phạm này cũng như kiến nghị một số giải pháp để đối phó với loại tội phạm này. Các tài liệu cũng đã chỉ ra rằng bên cạnh những tác động từ bên ngoài thì những nguyên nhân từ công tác điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội của loại tội phạm này trong thực tiễn vẫn còn gặp nhiều khó khăn, bất cập thậm chí dẫn đến thiếu sót. Điều này một phần là do tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng thường sử dụng công nghệ cao để che giấu hành vi phạm tội, tiêu huỷ chứng cứ, dùng nhiều thủ đoạn để đối phó với các cơ quan quản lý, cơ quan điều tra, đồng thời lợi dụng các mối quan hệ “phức tạp” để tác động, chạy tội, gây khó khăn cho hoạt động điều tra các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bên cạnh đó, hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật và các nhà làm luật trong lĩnh vực hình sự và ngân hàng đều chưa có sự nhận diện đúng và đầy đủ về tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng nói chung cũng như các tình tiết liên quan, có ý nghĩa rất quan trọng về mặt lý luận cũng như về mặt thực tiễn trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách tổng quát về hoạt động điều tra trong các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng từ thực tiễn Thành phố Hà Nội. Chính vì vậy, với cách tiếp cận của riêng mình, tác giả đã chọn nghiên cứu đề tài "*Điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong hoạt động ngân hàng từ thực tiễn Thành phố Hà Nội*", đây là đề tài có tính mới và rất cần thiết, có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn trong thời kì hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá đúng thực trạng hoạt động điều tra các vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong ngành ngân hàng tại Hà Nội" của lực lượng Cảnh sát điều tra, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả, khắc phục những vướng mắc, bất cập trong hoạt động điều tra vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng" trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, đề tài cần tập trung giải quyết những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Những vấn đề lý luận về hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- Thực trạng hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội.

- Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn được xác định là: Hoạt động điều tra các vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng" của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong phạm vi luận văn này được giới hạn hiểu theo nghĩa là *hoạt động điều tra* vụ án lừa đảo CĐTTS. Đề tài xác định hoạt động điều tra trong luận văn này không chỉ trong giai đoạn điều tra vụ án lừa đảo CĐTTS mà bao gồm cả hoạt động điều tra ban đầu (khi tiếp nhận tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố) cho đến khi ban hành bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc ra quyết định đình chỉ điều tra.

- Nghiên cứu các quy định về điều tra vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật hình sự 1999 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Địa bàn nghiên cứu: Thành phố Hà Nội.

- Thời gian: từ năm 2013 đến năm 2018.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Trong quá trình thực hiện luận văn, tác giả chủ yếu dựa trên cơ sở nhận thức lý luận về phép biện chứng duy vật của Chủ nghĩa Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước và pháp luật về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Phương pháp luận nghiên cứu của Luận văn được thực hiện theo phương pháp luận của khoa học Luật tố tụng hình sự, trong đó có sử dụng tri thức của các lĩnh vực khoa học Luật Hình sự, Luật tố tụng hình sự, Tội phạm học cũng như cách tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp cụ thể được sử dụng trong quá trình nghiên cứu kết hợp việc sử dụng các phương pháp như phương pháp lý luận, phân tích, so sánh, chứng minh...

được sử dụng để làm rõ những vấn đề lý luận chung về điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Phương pháp nghiên cứu, lý luận, phân tích, hệ thống, đối chiếu, suy luận, logic... được sử dụng để làm rõ các vấn đề thực trạng về hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng từ thực tiễn tỉnh Công an thành phố Hà Nội.

Phương pháp tổng kết kinh nghiệm, phân tích, suy luận logic được sử dụng để kiến nghị hoàn thiện các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Đề tài góp phần bổ sung hoàn thiện hơn về vấn đề lý luận về điều tra vụ án hình sự nói chung, điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói riêng, góp phần hoàn thiện hơn pháp luật về điều tra vụ án hình sự.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được nghiên cứu, sử dụng trong thực tiễn chỉ đạo và tiến hành hoạt động điều tra các vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng", góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra các vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng" của lực lượng Cảnh sát điều tra nói chung, lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn được cấu trúc thành 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản lĩnh vực ngân hàng

Chương 2. Thực trạng hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội

Chương 3. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

1.1. Một số vấn đề lý luận về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng

1.1.1. Khái niệm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng

Lừa đảo là thuật ngữ khoa học pháp lý xuất hiện từ nhiều thế kỷ qua và được mọi người sử dụng rộng rãi ở trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Động cơ của người thực hiện hành vi lừa đảo là nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác hoặc làm cho người khác do hiểu sai sự thật mà tin tưởng ủng hộ mình.

Dưới góc độ chung nhất, theo Từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam: *“Lừa đảo là dùng thủ đoạn gian dối đánh lừa người khác để mưu lợi. Thủ đoạn gian dối rất đa dạng, nhằm giấu giếm nội dung sai sự thật (ít, nhiều hoặc hoàn toàn) làm cho người khác tin, nhầm, tưởng giả là thật để chiếm đoạt tài sản, tiền bạc, thu lợi vật chất khác hoặc che giấu một việc làm xấu. Sự lừa đảo được thực hiện trước hoặc liền ngay với hành động chiếm đoạt, nó thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: nói dối, dùng giấy tờ giả mạo, giả danh người có chức, có quyền.”*[58] Tuy nhiên, đây chỉ là cách hiểu thông thường về khái niệm “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xem xét hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản dưới góc độ là một hiện tượng xã hội tiêu cực.

Dưới góc độ pháp lý, khoa học hình sự đã khái quát khái niệm lừa đảo như sau: *“Lừa đảo là hành vi gian dối để làm người khác tin nhằm thực hiện những mục đích vụ lợi trái pháp luật”*. [57, tr.72]

Về khái niệm chiếm đoạt, chiếm đoạt dưới góc độ pháp luật hình sự được hiểu là *“hành vi cố ý chuyển dịch trái pháp luật tài sản của người khác thành tài sản của mình, hoặc của một nhóm người hoặc cho người khác mà mình quan tâm”*. [52] Hành vi chiếm đoạt xét về mặt khách quan là hành vi làm cho chủ tài sản mất khả năng thực hiện quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của mình và tạo cho người chiếm đoạt có thể thực hiện được việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản đó. Tài sản là đối tượng của hành vi chiếm đoạt đòi hỏi phải có đặc điểm là nằm trong sự chiếm hữu, sự quản lý của chủ tài sản. Xét về mặt khách quan, lỗi của người có hành vi chiếm đoạt là lỗi cố ý trực tiếp. Người thực hiện hành vi chiếm đoạt biết tài sản chiếm đoạt là tài sản đang có người chiếm hữu, quản lý nhưng vẫn mong muốn

biến tài sản đó thành tài sản của mình.

Về khái niệm tài sản, Điều 105 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản; tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai".[31] Trong các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng, tài sản bị chiếm đoạt chủ yếu là tiền và các giấy tờ có giá khác.

Từ những phân tích ở trên, khái niệm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng có thể hiểu như sau: *"Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng là một tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các chủ thể trong lĩnh vực ngân hàng bằng thủ đoạn gian dối, cung cấp thông tin sai sự thật làm cho chủ sở hữu, người quản lý tài sản hoặc các ngân hàng nhầm tưởng, tự nguyện trao tài sản cho người phạm tội"*.

1.1.2. Đặc điểm của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng

Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng mang đầy đủ các đặc điểm của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói chung, nhưng cũng có một số đặc trưng nhất định.

- ***Đặc điểm của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói chung***

Theo quy định của Bộ luật hình sự, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn gian dối. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bao gồm hai hành vi: Hành vi lừa dối và hành vi chiếm đoạt. Hai hành vi này có quan hệ với nhau. Hành vi lừa dối là điều kiện để hành vi chiếm đoạt có thể xảy ra, còn hành vi chiếm đoạt là mục đích và là kết quả của hành vi lừa dối.

Hành vi lừa dối là hành vi cố ý đưa ra những thông tin không đúng sự thật nhằm để người khác tin đó là sự thật. Hành vi chiếm đoạt là hành vi cố ý làm dịch chuyển một cách phi pháp tài sản đang thuộc sự sở hữu, quản lý của chủ tài sản thành tài sản của mình, qua đó làm mất đi khả năng thực hiện các quyền năng chiếm hữu, sử dụng, định đoạt của chủ tài sản trên thực tế. Do đó, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi người phạm tội cố ý chuyển dịch một cách trái pháp luật tài sản đang thuộc quyền sở hữu của người khác thành tài sản của mình bằng cách đưa ra những thông tin không đúng sự thật làm cho người đang chiếm giữ tài sản tin mà giao, nhận nhầm hoặc không nhận tài sản.

Thực tiễn việc nhận thức đặc điểm hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản có nhiều ý kiến khác nhau, dấu hiệu pháp lý trong cấu thành tội phạm có tính khái quát dẫn đến việc xác định tội danh gặp khó khăn. Để xác định, cần căn cứ vào “thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản” trong cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Về hình thức thì người phạm tội phải đồng thời thực hiện hai hành vi là hành vi lừa dối với nạn nhân và hành vi chiếm đoạt tài sản của nạn nhân.[46] Tuy nhiên, khi xem xét không thể tách biệt mà phải đảm bảo thống nhất trong cùng vụ việc. Người phạm tội chỉ có sử dụng thủ đoạn gian dối mới làm cho người bị hại trao nhầm tài sản. Vấn đề này được hiểu là người phạm tội đã sử dụng mọi phương pháp để che giấu bằng cách đưa ra những thông tin không đúng sự thật như dùng lời nói dối trá; giấy tờ giả mạo; giả danh người có chức vụ quyền hạn; giả danh các tổ chức để ký kết hợp đồng không ngay thẳng hoặc kết hợp tất cả các cách làm nói trên.

Hành vi lừa dối có tính chất sau đây:

Thứ nhất, hành vi lừa dối phải có trước hoặc đi liền với hành vi chiếm đoạt, hai hành vi này có mối quan hệ nguyên nhân - kết quả một cách trực tiếp.

Thủ đoạn gian dối của người phạm tội là nguyên nhân trực tiếp, điều kiện trực tiếp của kết quả, mục đích chiếm đoạt - chuyển dịch tài sản từ người quản lý sang người phạm tội. Tức là, người phạm tội chỉ thực hiện hành vi gian dối mới có thể chiếm đoạt được tài sản hay nói cách khác, chỉ có thể chiếm đoạt được tài sản khi dùng thủ đoạn gian dối.

Đặc điểm của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tội phạm đồng thời phải thực hiện hai hành vi là hành vi lừa dối và hành vi chiếm đoạt. Về tính chất của hành vi chiếm đoạt tài sản, nếu tài sản đang ở trong sự chiếm hữu của chủ tài sản, thì hình thức chiếm đoạt là nhận tài sản từ người bị lừa dối; nếu tài sản đang ở trong sự chiếm hữu của người phạm tội, thì hình thức cụ thể là giữ lại tài sản đáng ra phải giao cho người bị lừa dối. Chẳng hạn do tin vào lời nói của người phạm tội nên người bị hại đã nhận nhầm tài sản như: nhận thiếu, nhận sai loại tài sản đáng ra được nhận. Do đó thủ đoạn gian dối phải gắn với hành vi chiếm đoạt tài sản. Khi người phạm tội chiếm đoạt được tài sản, sau một khoảng thời gian nhất định, nạn nhân mới biết mình bị lừa đảo.[52]

Cần phải hiểu rằng, không phải cứ có thủ đoạn gian dối khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thì đều có thể xem là Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hiểu như thế là không chính xác. Bởi vì, tùy thuộc vào đặc điểm của thủ đoạn gian dối, có thể hành

vi gian dối chỉ là thủ đoạn để nhằm tiếp cận tài sản sau đó mới thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Thứ hai, thủ đoạn gian dối của người phạm tội là căn cứ để người bị hại “tự nguyện” trao tài sản.

Trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, việc chiếm đoạt tài sản phải được thể hiện dưới hình thức tự nguyện. Có nghĩa là, vì tin vào những thông tin sai sự thật của người phạm tội mà người bị hại đã “tự nguyện” trao tài sản cho người phạm tội, khác với trong tội Cướp hay Cướp giật, tài sản rơi vào tay người phạm tội, sự dịch chuyển tài sản từ người bị hại hoàn toàn là do hành vi vũ lực, cưỡng ép... của người phạm tội, hoàn toàn không xuất hiện yếu tố “tự nguyện” như trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.[38]

Đặc điểm của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng

Cũng giống như tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói chung, tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm hai hành vi: Hành vi lừa dối và hành vi chiếm đoạt.

Thứ nhất, Hành vi lừa dối của tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng phải có trước hành vi chiếm đoạt và là nguyên nhân trực tiếp, điều kiện trực tiếp để các đối tượng này chiếm đoạt được tài sản của ngân hàng và người dân.

Hành vi lừa dối của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng thường được thực hiện bằng các thủ đoạn như sau:

Đối với đối tượng ngoài ngành ngân hàng:

- Thế chấp không hàng hóa với khối lượng lớn dù thực chất chỉ có một ít hàng; hoặc giả mạo các hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng thuê kho bãi, hóa đơn VAT,... để thế chấp vay vốn ngân hàng, trường hợp này thường có sự tiếp tay của cán bộ ngân hàng, sau khi thế chấp vay được tiền đối tượng sẽ chiếm đoạt khoản tiền đó;
- Thế chấp ngân hàng bằng hàng hóa hình thành từ vốn vay, ngân hàng giám sát không chặt chẽ để khách hàng bán tài sản nhưng không trả nợ;
- Lập hồ sơ dự án, phương án kinh doanh giả, sử dụng tài sản thế chấp không thuộc quyền sở hữu của mình để móc nối vay tiền ngân hàng;
- Giả mạo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở để thế chấp tại nhiều ngân hàng để vay vốn;
- Lợi dụng việc thuê nhà, thuê đất để kinh doanh rồi lừa đảo sử dụng giấy tờ

sở hữu của chủ nhà, chủ đất làm giả sang tên cho mình hoặc làm sổ đỏ giả thế chấp vay tiền ngân hàng, chiếm đoạt;

- Lấy danh nghĩa cán bộ ngân hàng để huy động vốn trong nhân dân với số lượng lớn sau đó chiếm đoạt, giả danh là cán bộ ngân hàng gọi điện yêu cầu khách hàng cung cấp mã số thẻ và mã OTP để kiểm tra...
- Lôi kéo, mua chuộc được cán bộ ngân hàng, chủ yếu là cán bộ trực tiếp làm công tác tín dụng, cán bộ thẩm định hồ sơ, tài sản thế chấp, hoặc lãnh đạo của các chi nhánh ngân hàng, bằng cách cho hưởng phần trăm hoặc “hoa hồng” trên tổng số tiền vay.

Đối với các đối tượng là cán bộ ngân hàng:

- Giả mạo chữ ký của lãnh đạo ngân hàng, kế toán viên, thủ quỹ để làm thủ tục chuyển tiền cho chi nhánh ngân hàng khác trong hệ thống rồi rút lại tiền;
- Sử dụng, làm giả tài liệu, đánh tráo giấy tờ, làm giả con dấu để chiếm đoạt tài sản của khách hàng và ngân hàng;
- Lập phương án kinh doanh giả, lập hồ sơ giả đối với tài sản thế chấp, lập hồ sơ vay vốn ứng trước tiền bán chứng khoán không,... để rút tiền chiếm đoạt;
- Lợi dụng sơ hở, thiếu cẩn trọng trong công việc của các đồng nghiệp để lũng các chứng từ chuyển tiền giả mạo vào công văn trình ký.
- Lợi dụng vị trí công tác, uy tín của ngân hàng để thực hiện hành vi lừa đảo nhằm rút tiền của ngân hàng hoặc chiếm đoạt tiền của các tổ chức, cá nhân, thông qua các biện pháp nghiệp vụ như: huy động vốn cho ngân hàng (thỏa thuận trả lãi suất cao hơn quy định Nhà nước cho phép), sau đó không đưa vào ngân hàng mà chiếm đoạt luôn tiền, tài sản của các cá nhân, tổ chức;
- Sử dụng các biện pháp nghiệp vụ nhằm sửa chữa, tẩy xóa nâng giá trị tiền lên nhiều lần trong các chứng chỉ tiền gửi của các ngân hàng phát hành, rồi đem thế chấp tại chính ngân hàng mình đang công tác.

Thứ hai, thủ đoạn gian dối của đối tượng phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng là căn cứ để người bị hại (ngân hàng và người dân) “tự nguyện” trao tài sản, nếu không có thủ đoạn lừa dối thì ngân hàng và người dân sẽ không trao tài sản cho đối tượng phạm tội.

Ví dụ: Trong vụ án Chu Minh Ngọc - Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Xây lắp và vật liệu công nghiệp CIMCO lập khống đơn xin vay vốn, điều lệ, báo cáo tài

chính và phương án kinh doanh của CIMCO để chiếm đoạt hàng 132 tỷ đồng của 2 ngân hàng OCB Thăng Long và PGBank Thăng Long. Hành vi gian dối – tạo dựng các giấy tờ khống của đối tượng Ngọc là nguyên nhân và cũng là điều kiện trực tiếp để đối tượng này được các cán bộ ngân hàng OCB Thăng Long và PGBank Thăng Long phê duyệt hồ sơ vay vốn và từ đó chiếm đoạt được 132 tỷ đồng của 2 ngân hàng này. Nếu không có báo cáo tài chính và phương án kinh doanh giả mạo, hồ sơ vay vốn của CIMCO sẽ không được ngân hàng phê duyệt và đối tượng Ngọc sẽ không thể chiếm đoạt được số tiền lớn như vậy của ngân hàng. Từ đó, có thể thấy rằng hành vi lập các tài liệu giả mạo và hành vi chiếm đoạt 132 tỷ đồng của đối tượng Ngọc có mối quan hệ nguyên nhân - kết quả một cách trực tiếp.

1.1.3.2. Mặt khách quan của tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng

Theo Điều 174 BLHS 2015 thì hành vi khách quan của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có những đặc trưng sau: (i) tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội; và (ii) hậu quả của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là thiệt hại về tài sản.

- ***Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội***

Hành vi nguy hiểm cho xã hội của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thể hiện dưới hai hành vi thực tế là hành vi lừa dối và hành vi chiếm đoạt tài sản.

Hành vi lừa dối là hành vi cố ý đưa ra thông tin không đúng sự thật nhằm để người khác tin đó là sự thật. Trên thực tế hành vi gian dối trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được hợp thành bởi hai yếu tố:

Một là, hành vi cố ý đưa ra những thông tin không đúng sự thật của người phạm tội. Người phạm tội biết rõ đó là những thông tin giả nhưng mong muốn người khác tin đó là sự thật. Hành vi có chủ đích này có thể được thực hiện qua lời nói, hành động hoặc qua các giấy tờ giả mạo...[29]

Hai là, hành vi lừa dối trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được thực hiện là nhằm thực hiện việc chiếm đoạt tài sản, khiến chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản nhầm lẫn, tin tưởng vào những thông tin giả đó mà trao tài sản cho người phạm tội. Khi giao tài sản, chủ tài sản không biết mình bị lừa dối. Họ có thể phát hiện ra ngay sau khi trao tài sản nhưng bản chất của hành vi chiếm đoạt vẫn dựa trên thủ đoạn lừa dối thì vẫn xử lý về tội này. Cũng cần lưu ý thêm rằng, nếu ngay sau khi trao tài sản, người quản lý tài sản phát hiện và đã thực hiện một số hành động để bắt giữ mà người

phạm tội lại sử dụng các thủ đoạn khác (như dùng vũ lực) để chiếm đoạt tài sản cho bằng được thì sẽ xử lý về tội phạm khác. Đây là trường hợp chuyển hóa từ một số tội có tính chất chiếm đoạt sang tội cướp tài sản.

Trong trường hợp người phạm tội có hành vi gian dối nhưng chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản không bị nhầm lẫn, không tự nguyện trao tài sản, mà người phạm tội phải dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác để chiếm đoạt tài sản thì không cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà sẽ cấu thành tội chiếm đoạt có hành vi tương ứng.

Cần lưu ý, thủ đoạn gian dối không phải chỉ có ở tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà còn được quy định ở một số tội phạm, điều khác biệt ở đây là hành vi lừa dối trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được thực hiện là nhằm chiếm đoạt tài sản. Những hành vi lừa dối nhằm mục đích khác ngoài mục đích chiếm đoạt tài sản, dù mục đích này có tính tư lợi cũng không phải là hành vi phạm tội của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ví dụ: hành vi gian dối khi cân, đo, đong, đếm... cấu thành tội Lừa dối khách hàng được quy định tại Điều 198 Bộ luật hình sự 2015...

Hành vi chiếm đoạt tài sản là hành vi gắn liền với hành vi đưa ra các thông tin không đúng sự thật. Hành vi chiếm đoạt tài sản trong tội Lừa đảo CĐTTS có hai hình thức cụ thể:

Một là, nếu tài sản bị chiếm đoạt đang trong sự chiếm hữu của chủ tài sản thì hình thức cụ thể của hành vi chiếm đoạt là hành vi nhận tài sản từ người bị lừa dối vì đã tin vào thông tin của người phạm tội. Thời điểm nhận được tài sản cũng là lúc người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã làm chủ được tài sản đó trên thực tế và là lúc tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được coi là hoàn thành.

Hai là, nếu tài sản bị chiếm đoạt đang ở trong sự chiếm hữu của người phạm tội thì hình thức thể hiện của hành vi chiếm đoạt là hành vi giữ lại tài sản đáng lẽ phải giao cho người bị lừa dối. Vì đã tin vào thông tin mà người phạm tội đưa ra nên người bị lừa dối đã nhận nhầm tài sản (nhận thiếu, nhận sai loại tài sản được nhận) hoặc không nhận. Khi người bị lừa dối nhận nhầm hoặc không nhận tài sản cũng là lúc người phạm tội lừa đảo đã làm chủ được tài sản bị chiếm đoạt và người bị lừa dối đã mất tài sản đó và đó cũng là thời điểm tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được coi là hoàn thành.

Hành vi lừa dối và hành vi chiếm đoạt tài sản trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài

sản có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Hành vi lừa dối tạo điều kiện cho hành vi chiếm đoạt tài sản được thực hiện một cách công khai, dễ dàng. Thông thường, hành vi chiếm đoạt tài sản xảy ra kế tiếp ngay sau hành vi gian dối, nhưng cũng có trường hợp giữa hai hành vi này lại có khoảng cách nhất định về thời gian. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản chỉ được coi là hoàn thành khi hành vi chiếm đoạt đã xảy ra.

Trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thủ đoạn gian dối của người phạm tội phải có trước hành vi chiếm đoạt và là nguyên nhân trực tiếp khiến người bị hại tin là thật mà giao tài sản cho người phạm tội. Thủ đoạn gian dối của người phạm tội bao giờ cũng phải có trước khi việc giao tài sản giữa người bị hại với người phạm tội thì mới là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nếu thủ đoạn gian dối có sau khi người phạm tội nhận được tài sản thì không phải là lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà tùy trường hợp cụ thể, thủ đoạn gian dối đó có thể là hành vi che giấu tội phạm hoặc là hành vi phạm tội khác, ví dụ như tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Để lừa được chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản, người phạm tội sử dụng nhiều cách khác nhau như: bằng lời nói dối, giả mạo giấy tờ, giả danh người có chức vụ quyền hạn, giả danh các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội để thông qua việc ký kết hợp đồng... Thực tế để xác định hành vi gian dối, thường căn cứ vào các chứng từ, tài liệu, giấy tờ giả (như Hợp đồng mua bán, Giấy chứng nhận sở hữu nhà, đất, giấy vay tiền...) mà đối tượng dùng để tạo niềm tin cho chủ tài sản, làm cho chủ tài sản tin để giao tài sản để xác định. Ví dụ: Trong các vụ án lừa đảo Ngân hàng, đối tượng phạm tội thường xây dựng phương án kinh doanh không, làm giả hồ sơ tài sản thế chấp... để được vay vốn sau đó chiếm đoạt mà không có khả năng trả nợ.

Như vậy, hành vi khách quan của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tương tự với hành vi khách quan của các tội phạm khác. Vì vậy để định tội danh chính xác phải đặt hành vi khách quan trong mối liên hệ với các yếu tố khác, nghiên cứu một cách toàn diện các yếu tố cấu thành tội phạm.

- ***Hậu quả của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng là thiệt hại về tài sản của ngân hàng***

Hậu quả của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng trước tiên là những thiệt hại về tài sản do tài sản bị chiếm đoạt của người bị hại. Khoản 1 của Điều 174 BLHS 2015 quy định giá trị tài sản bị chiếm đoạt từ hai triệu đồng trở lên mới cấu thành tội phạm, còn nếu tài sản bị chiếm đoạt dưới hai triệu đồng thì phải kèm theo điều kiện đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm

đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ.

Tuy nhiên, hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vì có những trường hợp hậu quả chưa xảy ra vẫn có thể cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ví dụ như trường hợp những người có ý định chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn hoặc rất lớn thì dù người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản vẫn bị coi là phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, là phạm tội trong trường hợp phạm tội chưa đạt hoặc chuẩn bị phạm tội tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể. Hậu quả của tội phạm được phản ánh trong cấu thành tội phạm thông qua thiệt hại về tài sản mà cụ thể là giá trị tài sản bị chiếm đoạt, chính vì vậy việc xác định tài sản là đối tượng của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc, đây là dấu hiệu định lượng để xác định cấu thành cơ bản hoặc cấu thành định khung tăng nặng của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả của tội phạm

- Hành vi lừa dối phải diễn ra trước hành vi chiếm đoạt;
- Hành vi lừa dối là cơ sở chủ yếu để quyết định việc chiếm đoạt được tài sản của người phạm tội.

Vì vậy, việc chiếm đoạt được tài sản của người phạm tội có thể gây ra những hậu quả nguy hiểm khác cho xã hội nên việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả trên không chỉ có ý nghĩa về mặt định tội mà còn có ý nghĩa trong quyết định hình phạt.

1.1.3.3. Chủ thể của tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng

Chủ thể của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng là chủ thể thường và cũng giống những quy định chung về chủ thể của tội phạm nói chung, được quy định tại Điều 12 BLHS 2015. Theo đó, chủ thể của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định là *người từ đủ 16 tuổi trở lên và có năng lực trách nhiệm hình sự*.

Chủ thể của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm hai loại đối tượng là: cán bộ ngân hàng và đối tượng ngoài ngành ngân hàng, thường là các lãnh đạo ngân hàng và lãnh đạo các doanh nghiệp liên quan.

1.1.3.4. Mặt chủ quan của tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Mặt chủ quan của tội phạm là những biểu hiện tâm lý bên trong của tội phạm bao gồm: lỗi của người phạm tội, mục đích phạm tội, động cơ phạm tội; trong đó lỗi là yếu tố được phản ánh trong tất cả cấu thành tội phạm.

Thứ nhất, về lỗi của tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Điều 174 BLHS 2015 không quy định về lỗi của người phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, xét theo bản chất và tính chất của hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm được thể hiện do lỗi cố ý trực tiếp với mục đích chiếm đoạt tài sản. Về lý trí, người phạm tội nhận thức rõ tính chất nguy hiểm cho xã hội về hành vi mà mình thực hiện là xâm phạm sở hữu của người khác, nhận thức rõ thủ đoạn đưa ra những thông tin là hoàn toàn không có thật, nhằm làm cho người khác tin đó là sự thật. Về ý chí, người phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trước khi thực hiện hành vi lừa dối đã có ý thức chiếm đoạt được tài sản của người khác và mong muốn hành vi lừa dối đưa đến kết quả là chiếm đoạt được tài sản của người khác.

Thứ hai, về dấu hiệu động cơ, mục đích phạm tội của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Mục đích của người phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là chiếm đoạt tài sản, đây chính là một trong các dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Mục đích chiếm đoạt tài sản bao giờ cũng có trước khi thực hiện thủ đoạn gian dối. Tuy nhiên, người phạm tội có thể có những mục đích khác cùng với mục đích chiếm đoạt hay chấp nhận mục đích chiếm đoạt của người đồng phạm thì người phạm tội cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khác với mục đích phạm tội, động cơ phạm tội của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản không có ý nghĩa với việc định tội danh mà chỉ có ý nghĩa trong quyết định hình phạt.

Nghiên cứu dấu hiệu pháp lý của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng có ý nghĩa quan trọng trong việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói chung và các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng, tránh việc “hình sự hóa các mối quan hệ dân sự, kinh tế”.

1.1.3.5. Phân biệt tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng có sử dụng công nghệ cao với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng (Điều 290 BLHS 2015)

Qua phân tích các dấu hiệu pháp lý của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng, tác giả nhận thấy đặc trưng của loại tội phạm này là bằng thủ

đoạn lừa dối để chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, trên thực tế, nhận thức về thủ đoạn lừa dối để chiếm đoạt tài sản của loại tội phạm này không phải trường hợp nào cũng rõ ràng và thống nhất, nhất là các trường hợp tội phạm sử dụng công nghệ cao để lừa đảo chiếm đoạt tài sản rất dễ gây nhầm lẫn với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng (được quy định tại Điều 290 BLHS 2015). Do đó, cần phân biệt tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có sử dụng công nghệ cao trong lĩnh vực ngân hàng với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng.

Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có sử dụng công nghệ cao trong lĩnh vực ngân hàng và tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng có chung mục đích phạm tội là nhằm chiếm đoạt tài sản của ngân hàng và người dân, song có những điểm khác biệt cơ bản như sau:

Thứ nhất, tội phạm sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng được coi là hoàn thành kể từ thời điểm người phạm tội có một trong các hành vi trên nhằm chiếm đoạt tài sản, không kể là đã chiếm được hay chưa. Đặc điểm này hoàn toàn khác với tội phạm Lừa đảo CĐTTS và các tội phạm xâm phạm sở hữu khác là tội phạm Lừa đảo CĐTTS và các tội phạm xâm phạm sở hữu khác chỉ được coi là hoàn thành khi người phạm tội chiếm đoạt được tài sản của người bị hại. Thứ nhất, về hành vi khách quan của tội phạm, tội phạm sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử như một công cụ để thực hiện một trong các hành vi sau:

- Làm giả, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả nhằm để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Thủ đoạn phạm tội thường là người phạm tội mua thẻ nhựa trắng, mua hoặc đánh cắp thông tin thẻ, mật mã giao dịch. Sau đó dùng máy ghi thẻ để sản xuất thẻ giả, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ giả để chiếm đoạt tài sản của người khác. Hoặc dùng thẻ ngân hàng của nước ngoài đã hết hạn sử dụng vào nước khác để rút tiền...
- Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ thẻ, chủ tài khoản hoặc thanh toán dịch vụ, mua hàng hóa. Hành vi được thực hiện thông qua các thủ đoạn như

trộm cắp, lừa đảo để có được thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của người khác, sau đó dùng thông tin đó để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản.

- Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản là hành vi cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, tường lửa hoặc sử dụng mã truy cập của các cá nhân, cơ quan, tổ chức mà không được sự cho phép của các cá nhân, cơ quan, tổ chức đó để nhằm chiếm đoạt tài sản (trực tiếp) của chủ thẻ đó.

Tội phạm sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để trực tiếp chiếm đoạt tài sản của người bị hại, khác với tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng sử dụng công nghệ cao để giả mạo giấy tờ, hợp đồng, danh tính để khiến người bị hại tự nguyện giao tài sản, từ đó chiếm đoạt những tài sản đó.

Thứ hai, tội phạm sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng được coi là hoàn thành kể từ thời điểm người phạm tội có một trong các hành vi trên nhằm chiếm đoạt tài sản, không kể là đã chiếm được hay chưa. Đặc điểm này hoàn toàn khác với tội phạm Lừa đảo CĐTTS và các tội phạm xâm phạm sở hữu khác là tội phạm Lừa đảo CĐTTS và các tội phạm xâm phạm sở hữu khác chỉ được coi là hoàn thành khi người phạm tội chiếm đoạt được tài sản của người bị hại.

Việc phân biệt hai loại tội phạm này là rất quan trọng đối với quá trình điều tra và xác định tội danh của đối tượng phạm tội trong các vụ án chiếm đoạt tài sản.

1.2. Nhận thức về điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng

Do pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật hình sự chưa có các quy định cụ thể về hoạt động điều tra các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản hay các vụ án trong lĩnh vực ngân hàng, nên hoạt động điều tra các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng đang được tiến hành theo các quy định về hoạt động điều tra đối với các vụ án lừa đảo chiếm CĐTTS nói chung.

1.2.1. Khái niệm điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong phạm vi luận văn này được giới hạn hiểu theo nghĩa là hoạt động điều tra, và do đó, nó cũng có những đặc điểm chung của hoạt động điều tra tội phạm. Tuy nhiên, hoạt động điều tra tội Lừa đảo CĐTTS có đặc thù riêng do tập trung nhằm chứng minh các dấu hiệu pháp lý của tội lừa đảo CĐTTS. Từ cơ sở lý luận trên, căn cứ vào quy định của Bộ luật TTHS, Luật tổ chức điều tra

hình sự năm 2015 và thực tiễn hoạt động điều tra, thì hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được hiểu như sau: *"Điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là quá trình phát hiện, thu thập chứng cứ do Cơ quan điều tra tiến hành theo trình tự tổ tụng hình sự để làm rõ hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã được phát hiện nhằm chứng minh tội phạm trước pháp luật, phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội"*.

Trong đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện có thẩm quyền điều tra tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 còn Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có thẩm quyền điều tra tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt quy định tại khoản 4, Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1.2.2. Cơ sở pháp lý của hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng

Hoạt động điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản cần phải căn cứ dựa trên các cơ sở pháp lý trực tiếp sau:

- Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;
- Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015;
- Thông tư liên tịch 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT&VKSNDTC hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố;
- Thông tư liên tịch 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP về việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung;
- Thông tư liên tịch 01/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC về quan hệ phối hợp giữa cơ sở giam giữ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và VKS có thẩm quyền kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam;
- Thông tư liên tịch 02/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC quy định chi tiết trình tự, thủ tục, thời hạn, địa điểm bị can đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến bào chữa;
- Thông tư liên tịch 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thành việc hỏi cung

bị can; sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử;

- Thông tư 07/2018/TT-BCA về quy định việc phạm nhân gặp thân nhân; nhận, gửi thư; nhận tiền, đồ vật và liên lạc điện thoại với thân nhân;
- Nghị định 30/2018/NĐ-CP quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản.

Ngoài những văn bản quy phạm pháp luật trên, khi tiến hành điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng, cơ quan điều tra cũng cần căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng, ví dụ như:

- Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;
- Thông tư 42/2011/TT-NHNN quy định về việc cấp tín dụng hợp vốn của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 24/2016/TT-NHNN;
- Thông tư 31/2012/TT-NHNN quy định về ngân hàng hợp tác xã;
- Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;
- Thông tư 07/2015/TT-NHNN quy định về bảo lãnh ngân hàng;
- Thông tư 14/2017/TT-NHNN về quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành;
- Thông tư 07/2019/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam...

1.2.3. Những vấn đề cần chứng minh trong điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng

Đối với mỗi vụ án khác nhau, đối tượng và phạm vi yêu cầu chứng minh khác nhau, tuy nhiên, mọi tội phạm đều có những đặc điểm chung, quy luật chung được khái quát thành những vấn đề chung nhất mà Cơ quan tiến hành tố tụng thường phải chứng minh trong bất kỳ vụ án nào; đó là: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm, ai là người thực hiện hành vi phạm tội, có lỗi hay không có lỗi, mục đích, động cơ phạm tội, những tình tiết khác có liên quan... Đối với một vụ án Lừa đảo CĐTTS, ngoài việc phải chứng minh những vấn đề chung như đã nêu ở trên thì Cơ quan điều tra cũng cần căn cứ vào Điều 174 BLHS 2015, Điều 15, Điều 85 Bộ luật TTHS 2015, các văn bản pháp luật có liên quan trong lĩnh vực ngân hàng để xác

định những vấn đề cần phải chứng minh làm rõ, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Có xảy ra hay không có xảy ra việc:

+ Có hành vi gian dối, tức là đưa ra những thông tin không đúng sự thật, làm cho chủ tài sản hoặc người quản lý tài sản tin thật mà giao tài sản cho người phạm tội;

+ Hành vi chiếm đoạt được xảy ra ngay sau hành vi gian dối. Và người phạm tội phải có hành vi chiếm đoạt được tài sản mà họ đã có ý định chiếm đoạt ngay từ trước khi có hành vi gian dối.

Như vậy cần lưu ý, việc chuyển giao tài sản từ người bị hại sang người phạm tội xuất phát từ hành vi gian dối của người phạm tội, hay nói cách khác, trong cấu thành tội phạm Lừa đảo CĐTTS thì hành vi gian dối là xảy ra trước và hành vi chiếm đoạt được xảy ra sau hành vi gian dối. Tội Lừa đảo CĐTTS cũng giống như các tội phạm xâm phạm sở hữu khác, chỉ hoàn thành khi người phạm tội chiếm đoạt được tài sản của người bị hại.

Thứ hai, Thời gian, địa điểm diễn ra và những tình tiết khác có ý nghĩa chứng minh hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Thứ ba, Thủ đoạn và diễn biến của hành vi lừa đảo CĐTTS như thế nào.

Thứ tư, Tài sản bị chiếm đoạt là gì, nguồn gốc, đặc điểm, giá trị thực tế của tài sản đó tại thời điểm bị chiếm đoạt.

Thứ năm, Chứng minh về người phạm tội: Đặc điểm nhân thân, lai lịch của người phạm tội; quan hệ thế nào với người bị hại; động cơ, mục đích phạm tội; lỗi của người phạm tội; năng lực chịu trách nhiệm hình sự của người phạm tội; diễn biến hành vi phạm tội; có đồng phạm hay không, nếu có thì làm rõ vai trò cụ thể của từng người; công cụ, phương tiện phạm tội; các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nguyên nhân và điều kiện phạm tội; có thuộc diện được loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hay không.

Thứ sáu, Chứng minh về người bị hại: Nhân thân, lai lịch của người bị hại; mối quan hệ giữa người bị hại với người phạm tội như thế nào; nguyên nhân, lý do người bị hại giao tài sản; tài sản đó là gì, nguồn gốc, đặc điểm và giá trị của tài sản; thiệt hại thực tế do hành vi phạm tội gây ra; biết việc bị chiếm đoạt từ thời điểm nào; có yêu cầu, kiến nghị gì.

Trong quá trình điều tra vụ án, việc xác định chính xác những vấn đề cần chứng minh có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở để khởi tố vụ án Lừa đảo CĐTTS, giúp ĐTV xác lập những hoạt động điều tra và lập kế hoạch điều tra; xác định chính xác

phương hướng hoạt động điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan, nhanh chóng điều tra làm rõ vụ án.

1.2.4. Tổ chức và tiến hành các hoạt động điều tra

Tiếp nhận và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm

Việc tiếp nhận và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng của CQĐT phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 146 Bộ luật TTHS năm 2015 và Thông tư 01/2017/TTLT-BCA-BQP- BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Viện kiểm sát nhân tối cao, về hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố (sau đây gọi là Thông tư 01).

CQĐT tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng từ rất nhiều nguồn, nhưng chủ yếu là từ các cá nhân và ngân hàng. Họ có thể là người bị hại, người làm chứng hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Ngoài ra, CQĐT còn tiếp nhận tố giác, tin báo về tội Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng từ các nguồn khác như: các cơ quan nhà nước, các tổ chức có liên quan trong lĩnh vực ngân hàng; thông tin, tài liệu về vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng có thể có trên các phương tiện thông tin đại chúng; thông qua hoạt động nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát nhân dân.

Sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, CQĐT cần tiến hành lập biên bản tiếp nhận; lấy lời khai người báo tin; đề nghị người báo tin viết bản tường trình và cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo trình tự thực hiện được quy định tại Điều 7 Thông tư 01.

Ngay sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản cần tiến hành ngay những biện pháp kiểm tra, xác minh làm rõ tố giác, tin báo như: cử cán bộ trực tiếp kiểm tra ở nơi có vụ việc xảy ra; phối hợp với công an cơ sở vận động quần chúng cung cấp những tài liệu mới; yêu cầu người bị hại cung cấp giấy tờ, tài liệu và những đồ vật có liên quan đến vụ việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà họ có; rà soát, nắm tình hình các đối tượng có khả năng liên quan đến vụ việc, nhanh chóng tiến hành hoạt động trưng cầu giám định các giấy tờ, tài liệu, đồ vật, tài sản có liên quan theo quy định của pháp luật để có căn cứ đánh giá nội dung, bản chất của vụ việc.

Tùy theo đặc điểm các nguồn tố giác, tin báo, CQĐT sẽ tiến hành kiểm tra và

xác minh các nội dung sau đây: Nhân thân lai lịch của người báo tin; mối quan hệ giữa người báo tin với người bị hại, người phạm tội và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; thủ đoạn gây án, đặc điểm nhận dạng của người phạm tội; thời gian, địa điểm xảy ra vụ án; còn ai biết được về vụ án; người bị hại của vụ án, hậu quả; đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt...[39]

Sau khi kiểm tra, xác minh, nếu thấy có dấu hiệu của tội phạm, ĐTV sẽ báo cáo Thủ trưởng CQĐT và xin ý kiến chỉ đạo:

Đối với tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố sau khi tiếp nhận đã rõ về dấu hiệu của tội phạm, đủ căn cứ để khởi tố vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì Cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của Điều 154 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với những tố giác, tin báo về tội phạm có dấu hiệu nghi vấn về hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng thì báo cáo Thủ trưởng CQĐT phân công Phó thủ trưởng và ĐTV trực tiếp thụ lý điều tra, ĐTV được phân công điều tra lập kế hoạch điều tra tiếp theo.

Đối với trường hợp xác định người có hành vi phạm tội nhưng có những căn cứ để tạm giữ người trong trường hợp khẩn cấp thì phải ra ngay Quyết định tạm giữ khẩn cấp để áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản (nếu người bị buộc tội có tài sản chiếm đoạt trong tài khoản hoặc có số dư trong tài khoản ngân hàng).

Lấy lời khai người bị hại, người làm chứng

Lấy lời khai người bị hại

Đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng rất đa dạng. Có những vụ án, đối tượng lừa đảo là những người đã tìm hiểu rõ về nhân thân cũng như nhu cầu của bị hại hoặc cả hai đã có mối quan hệ từ trước, do đó, người bị hại có thể biết về thủ phạm và chứng kiến diễn biến của sự việc phạm tội xảy ra. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, do đối tượng lừa đảo sử dụng thủ đoạn tinh vi khiến người bị hại không hề biết về nhân thân của mình.

Việc triệu tập, lấy lời khai người bị hại phải căn cứ vào quy định tại Điều 62 và Điều 188 Bộ luật TTHS năm 2015. Lấy lời khai của người bị hại phải được tiến hành ngay sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm nhằm thu thập rộng rãi tin tức, tài liệu về tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản để truy bắt thủ phạm, tổ chức các hoạt động điều tra kịp thời bắt giữ các đối tượng gây án, thu giữ tài sản bị chiếm đoạt và ngăn chặn tội phạm không tiếp diễn.

Lấy lời khai người bị hại trong vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng cần làm rõ những nội dung cơ bản như: đặc điểm nhân thân của người bị hại; thời gian, địa điểm, điều kiện, hoàn cảnh xảy ra vụ việc, ai biết về sự việc phạm tội; thông tin về người phạm tội: giới tính, họ tên, tuổi, đặc điểm nhận dạng, phương tiện đi lại; giấy tờ tài liệu, tài sản mang theo, nơi lẩn trốn có thể...; mối quan hệ giữa người bị hại với người phạm tội: có quen biết nhau không, quen từ khi nào; diễn biến của hành vi phạm tội; hậu quả, thiệt hại do tội phạm gây ra: nguồn gốc, đặc điểm, số lượng và giá trị tài sản bị chiếm đoạt, và những thiệt hại khác; những đề nghị và yêu cầu của người bị hại.

Lấy lời khai người làm chứng

Việc triệu tập, dẫn giải, lấy lời khai người làm chứng phải theo quy định tại các Điều 66, Điều 127, Điều 185, Điều 186, Điều 187 Bộ luật TTHS năm 2015.

Sau khi xác định được người làm chứng cần phải nhanh chóng tiến hành lấy lời khai của họ để phục vụ cho hoạt động điều tra vụ án. Lấy lời khai người làm chứng cần phải tập trung làm rõ được những nội dung sau: Thời gian, địa điểm xảy ra vụ án; đặc điểm nhận dạng của đối tượng gây án; hành vi và phương thức, thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà đối tượng đã thực hiện; những hiểu biết của người làm chứng về người bị hại và tài sản bị chiếm đoạt; những hiểu biết khác liên quan đến vụ án như: Nguyên nhân xảy ra vụ án; những người làm chứng khác; lý do họ biết được những tin tức, tài liệu đó.

Khác với các vụ án Lừa đảo CĐTTS thông thường, các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng thường không có người làm chứng vì hành vi chiếm đoạt tài sản của các đối tượng phạm tội Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng thường được thực hiện gián tiếp thông qua hệ thống ngân hàng. Do đó, việc lấy lời khai của người làm chứng thường không đem lại hiệu quả cao cho quá trình điều tra các vụ án này.

Khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can

Qua xác minh ban đầu, nếu xét thấy đủ các yếu tố cấu thành của tội phạm Lừa đảo CĐTTS, ĐTV báo cáo Thủ trưởng CQĐT ra Quyết định khởi tố VAHS, Quyết định khởi tố bị can và các quyết định tố tụng cần thiết, đồng thời đề nghị Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn các quyết định tố tụng. Quyết định khởi tố VAHS là cơ sở pháp lý cho các hoạt động điều tra của CQĐT. Đối với các vụ án Lừa đảo CĐTTS nói chung và vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng, ngoài việc củng

cố chứng cứ đối với người phạm tội, việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt cũng là một yêu cầu cần thiết và quan trọng. Do vậy, việc ra các Quyết định này còn có ý nghĩa để nhanh chóng áp dụng được các biện pháp kê biên, phong tỏa tài khoản của người bị buộc tội (vì chỉ được áp dụng các biện pháp này đối với bị can, bị cáo, người bị buộc tội).

Lập kế hoạch điều tra

Kế hoạch điều tra vụ án giúp Điều tra viên xác định mục đích, yêu cầu, biện pháp, phương tiện, lực lượng tiến hành hoạt động điều tra nhằm nhanh chóng khám phá vụ án với chi phí ít nhất và đảm bảo thời hạn điều tra theo quy định của pháp luật. Nội dung của bản kế hoạch điều tra gồm:

- Mục đích yêu cầu của cuộc điều tra;
- Thời gian, địa điểm thực hiện;
- Những người tiến hành điều tra;
- Những giả thuyết điều tra được xây dựng;
- Nội dung công việc phải làm;
- Những biện pháp, phương pháp, chiến thuật điều tra sẽ thực hiện; những người tham gia, tham dự;
- Cơ sở vật chất, phương tiện, tài chính phục vụ cho hoạt động điều tra;
- Dự kiến tình huống đột xuất có thể xảy ra và biện pháp để khắc phục.

Bản kế hoạch điều tra phải tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện trong quá trình điều tra vụ án nhằm đảm bảo tính hiệu quả, sát hợp cho hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng trong giai đoạn tiếp theo.

Đối với các vụ án phức tạp, có nhiều đối tượng tham gia, xảy ra ở nhiều địa bàn... thì cần lập kế hoạch chi tiết cho các biện pháp điều tra như: đối chất, nhận dạng, hỏi cung bị can, khám xét...

Bắt, khám xét

Bắt là biện pháp ngăn chặn do người có thẩm quyền theo quy định trong Bộ luật TTHS quy định, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người, các quyền cơ bản của công dân, được áp dụng đối với bị can, bị cáo, người đang bị truy nã và những trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang thì áp dụng cả đối với người chưa bị khởi tố về hình sự nhằm kịp thời ngăn chặn hành vi phạm tội của họ, ngăn ngừa họ trốn tránh pháp luật tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và đảm bảo thi hành án.

Căn cứ về bắt người được quy định tại các Điều 110, Điều 111, Điều 112, Điều 113, Điều 419 Bộ luật TTHS năm 2015. Việc bắt đối tượng phải được tiến hành một cách kiên quyết, nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo an toàn, đúng pháp luật. Đối với những vụ án có đồng phạm cần phải đảm bảo các yếu tố về chiến thuật của biện pháp bắt, đảm bảo bắt được đầy đủ các đối tượng, không để cho các đối tượng bỏ trốn, tẩu tán, tiêu hủy tài sản, vật chứng của vụ án, thông cung với nhau, gây khó khăn cho hoạt động điều tra sau này. Tuy nhiên tùy vào tình huống cụ thể mà áp dụng chiến thuật bắt cho phù hợp, linh hoạt và hiệu quả.

Khám xét là một biện pháp điều tra được tiến hành nhằm thu thập công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết của tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm hoặc những vật, tài liệu có liên quan đến vụ án hình sự đang giải quyết. Công tác khám xét được quy định tại Điều 192, Điều 193 Bộ luật TTHS năm 2015.

CQĐT có thể khám xét người, đồ vật, tài sản, nơi ở, nơi làm việc, thư tín, điện tín, bưu phẩm... của đối tượng phạm tội Lừa đảo CĐTTS. Trong điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS, biện pháp khám xét thường đi liền biện pháp bắt người phạm tội. Hoạt động khám xét trong các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhằm phát hiện các giấy tờ giả, các công cụ, phương tiện gây án, các đồ vật, tài sản mà người phạm tội đã chiếm đoạt được hoặc đã sử dụng để gây án. Bên cạnh đó, có thể sử dụng biện pháp khám xét để phát hiện và bắt giữ đối tượng gây án đang lẩn trốn.

Sau đó, CQĐT sẽ ra Quyết định phong tỏa tài khoản hoặc kê biên tài sản.

Hỏi cung bị can

Hỏi cung bị can là một biện pháp điều tra do những người theo Bộ luật TTHS quy định tiến hành, có ý nghĩa lớn trong việc điều tra, nhằm mục đích xác định sự thật khách quan của vụ án, thông qua việc thu thập, theo trình tự tố tụng hình sự, lời khai của bị can về vụ án, hành vi và mức độ phạm tội của bị can, đồng phạm và những tài liệu, chứng cứ khác mà bị can biết, có ý nghĩa đối với hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và phòng ngừa tội phạm.

Việc hỏi cung bị can phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản do Điều tra viên tiến hành ngay sau khi Quyết định khởi tố bị can được VKS cùng cấp phê chuẩn hoặc ngay sau khi bắt được bị can. Việc hỏi cung bị can phải tuyệt đối tuân thủ theo quy định của pháp luật, cụ thể tại các Điều 11, Điều 60, Điều 183 Bộ luật TTHS năm 2015. Cần lưu ý trong nội dung hỏi cung bị can tại buổi hỏi cung đầu tiên phải hỏi bị can tự bào chữa hay nhờ người khác bào chữa. Nếu bị can nhờ người khác bào chữa,

thì cho bị can được viết đơn yêu cầu luật sư bảo vệ quyền lợi (có thể bị can yêu cầu đích danh luật sư), đơn này được gửi tới gia đình bị can để gia đình liên hệ luật sư và làm các thủ tục theo quy định. Sau khi có luật sư, ĐTV phải hỏi lại bị can có thống nhất với luật sư do gia đình yêu cầu không, nếu bị can đồng ý thì mới tiến hành phát hành thông báo cho luật sư.

Nội dung hỏi cung bị can phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bao gồm:

+ Lý lịch, đặc điểm nhân thân bị can;

+ Làm rõ diễn biến của vụ án: Thời gian, địa điểm; thủ đoạn gây án và che giấu tội phạm; diễn biến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; phương thức, thủ đoạn gây án; đặc điểm, số lượng và giá trị của tài sản chiếm đoạt; thời điểm nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản; đồng phạm trong vụ án, vai trò, vị trí của các đối tượng trong vụ án;

+ Những vụ án khác mà bị can đã tham gia hoặc biết.

Theo quy định tại điều 183 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định hỏi cung bị can được tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can, nhưng theo điều 179 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định sau khi CQĐT ra quyết định khởi tố bị can phải chuyển hồ sơ sang VKS để đề nghị VKS phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, có những trường hợp còn đề nghị phê chuẩn lệnh bắt tạm giam, kê biên, phong tỏa tài khoản... Đây là hoạt động đòi hỏi phải được đảm bảo tính bí mật, đề phòng bị can bỏ trốn. Nếu thực hiện đúng quy định thì phải hỏi cung ngay sau khi có quyết định khởi tố, chưa áp dụng được biện pháp ngăn chặn dẫn đến bị can bỏ trốn, tẩu tán tài sản, tiêu hủy chứng cứ.

Trung cầu giám định:

Trung cầu giám định chuyên môn là biện pháp điều tra quan trọng trong các vụ án hình sự nói chung và vụ án Lừa đảo CĐTTS nói riêng. Việc trung cầu giám định cần căn cứ vào Điều 205, Điều 209, Điều 213 Bộ luật TTHS năm 2015. Trung cầu giám định đối với những vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được áp dụng khi có những tình tiết cần thiết phải sử dụng kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành, chuyên môn mới xác định được như: Giám định về tài liệu, con dấu, giấy tờ, chữ ký hoặc trung cầu giám định về tiền, ngoại tệ...

Để việc trung cầu giám định có hiệu quả, Điều tra viên cần lưu ý những vấn đề sau: Nhanh chóng phát hiện, thu thập những tài liệu, giấy tờ là công cụ, phương tiện phạm tội; những đồ vật liên quan đến vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản... để làm

mẫu vật gửi đi giám định; xác định đúng nội dung cần giám định, yêu cầu giám định phải chính xác, phù hợp; cung cấp đầy đủ những thông tin cần thiết về vụ án cũng như mẫu vật đem so sánh; thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp giữa CQĐT với Cơ quan giám định, Điều tra viên với giám định viên...

Đối chất, nhận dạng

Biện pháp đối chất được quy định tại Điều 189 Bộ luật TTHS năm 2015. Đối với vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có nhiều đối tượng tham gia, các đối tượng thường có sự câu kết chặt chẽ với nhau, khi bị bắt thường quanh co, che giấu tội phạm, hoặc khai báo nhỏ giọt... thời gian gây án thường diễn ra trong một thời gian dài, phạm tội nhiều lần, những thông tin từ người bị hại, người làm chứng và bị can thường có sự mâu thuẫn với nhau. Nên để giải quyết vấn đề này thì biện pháp đối chất cũng thường được các Điều tra viên tiến hành bên cạnh các biện pháp điều tra khác.

Như vậy, chỉ tiến hành đối chất khi lời khai của các đối tượng có sự mâu thuẫn mà ĐTV đã tiến hành các biện pháp điều tra khác nhưng chưa giải quyết được mâu thuẫn. Tuy nhiên, cần phải hiểu thêm rằng, chỉ tiến hành đối chất giữa những người tham gia tố tụng mà những người đó đã được ĐTV lấy lời khai trước đó.

Những vấn đề cần chú ý trong quá trình đối chất vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Nắm vững các quy định của Bộ luật TTHS về biện pháp đối chất; nắm vững yêu cầu về thủ thuật, chiến thuật đối chất trong những tình huống cụ thể; về lai lịch, đặc điểm nhân thân của những người được đưa ra đối chất; hiểu rõ bản chất vụ án và những mâu thuẫn tồn tại trong lời khai của những người sẽ đưa ra đối chất.

Trước khi tiến hành đối chất, Điều tra viên cần xây dựng kế hoạch, có sự phê duyệt của Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra; đồng thời phải thông báo cho Viện Kiểm sát cùng cấp biết và cùng tham gia.

Trong quá trình đối chất, Điều tra viên phải làm chủ được mọi tình huống có thể xảy ra, để có biện pháp xử lý kịp thời, phù hợp đảm bảo giải quyết được yêu cầu đặt ra trong đối chất.

Nhận dạng: Khi tiến hành nhận dạng cần căn cứ vào quy định tại Điều 190 Bộ luật TTHS năm 2015. Trong vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, khi tiến hành biện pháp nhận dạng, mục đích là nhằm xác định đối tượng gây án, vật chứng và người bị hại của vụ án. Có thể tổ chức cho người bị hại, người làm chứng nhận dạng những đối tượng nghi vấn để xác định đối tượng gây án; tổ chức cho người bị hại nhận dạng

đồ vật, tài liệu, công cụ, phương thức, thủ đoạn gây án, tài sản bị chiếm đoạt; tổ chức cho đối tượng gây án nhận dạng để xác định người bị hại, nhận dạng tài liệu đồ vật để xác định công cụ, phương tiện gây án.

Trong quá trình nhận dạng, Điều tra viên cần phải tuân thủ những quy định của pháp luật về biện pháp nhận dạng như về trình tự thủ tục tiến hành nhận dạng, quy định về người chứng kiến trong hoạt động nhận dạng, quy định về đối tượng tương tự trong hoạt động nhận dạng. Ngoài ra, Điều tra viên cũng cần phải tuân thủ những yêu cầu nghiệp vụ về chiến thuật nhận dạng, nhằm đảm bảo được chính xác, khách quan và an toàn.

Khi Điều tra viên đánh giá kết quả nhận dạng phải rất thận trọng và khách quan, cần so sánh, đối chiếu kết quả nhận dạng với kết quả của các hoạt động điều tra đã được tiến hành trong quá trình điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Nếu xét thấy việc tiến hành nhận dạng có thể xảy ra những tình huống phức tạp thì Điều tra viên cần xây dựng kế hoạch, có sự phê duyệt của Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Hiện nay Bộ luật TTHS năm 2015 đã bổ sung thêm biện pháp điều tra nhận biết giọng nói, quy định quy định tại Điều 191. Thực tế đã chứng minh, ở mỗi vùng miền trong một quốc gia có cùng tiếng nói hoặc nhiều quốc gia sử dụng chung một tiếng nói thường có sự khác nhau về âm điệu rất rõ nét, nên việc nhận biết giọng nói sẽ góp phần giúp cho công tác điều tra xác định được vùng, miền của đối tượng gây án.

Kết thúc điều tra

Theo quy định tại Điều 232, Điều 233, Điều 234 Bộ luật TTHS năm 2015, việc kết thúc điều tra các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng được thực hiện bởi một trong hai hình thức đó là CQĐT ban hành bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc ban hành bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra.

Đối với trường hợp những vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng sau khi tiến hành hoạt động điều tra, CQĐT có đầy đủ chứng cứ xác định tội phạm và bị can thì CQĐT ban hành bản Kết luận điều tra đề nghị truy tố, theo quy định tại Điều 232, Điều 233 Bộ luật TTHS năm 2015, Điều tra viên phải thực hiện những công việc sau:

- Hệ thống lại toàn bộ tài liệu, chứng cứ, kết quả đã điều tra được báo cáo Thủ trưởng, hoặc Phó Thủ trưởng CQĐT xin ý kiến kết thúc điều tra. Nếu được sự đồng ý thì ban hành bản Kết luận điều tra;

- Viết bản Kết luận điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng đề nghị Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng CQĐT xem xét cho ý kiến để ban hành;

- Sắp xếp hoàn chỉnh hồ sơ truy tố: Kiểm tra nội dung tài liệu, chứng cứ, thủ tục của từng văn bản, đánh bút lục, làm bản thống kê tài liệu trong hồ sơ và vật chứng trong vụ án; thống kê việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn;

- Tổng đạt bản Kết luận điều tra vụ án hình sự cho bị can, giao nhận bản Kết luận điều tra cho Luật sư đối với những vụ án có sự tham gia của Luật sư, bàn giao hồ sơ vụ án, vật chứng sang Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để đề nghị truy tố bị can theo pháp luật.

Đối với vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng khi hết thời hạn điều tra nhưng không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm hoặc trong quá trình điều tra mà bị can đã chết thì đình chỉ điều tra. Trong vụ án có nhiều bị can mà căn cứ để đình chỉ điều tra không liên quan đến tất cả các bị can, thì có thể đình chỉ điều tra đối với từng bị can. Mặt khác, nếu trong quá trình điều tra mà bị can bị bệnh hiểm nghèo, bị tâm thần hoặc khi hết thời hạn điều tra mà không biết rõ bị can đang ở đâu thì chỉ tạm đình chỉ điều tra. Khi có lý do để hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra phải phục hồi để tiếp tục điều tra.

Kết luận Chương 1

Chương 1 của luận văn đã nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng, bao gồm: khái niệm tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng và dấu hiệu pháp lý của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng. Đồng thời, luận văn cũng đã đi sâu phân tích nhận thức về hoạt động điều tra các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng, bao gồm: khái niệm về điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng; cơ sở pháp lý của hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng; những vấn đề cần chứng minh trong điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng; tổ chức và tiến hành các hoạt động điều tra. Những kết quả nghiên cứu tại Chương 1 chính là tiền đề để nghiên cứu và đánh giá thực trạng hoạt động điều tra các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội tại Chương 2 và từ đó đưa ra các kiến nghị và giải pháp để nâng cao hiệu quả của hoạt động điều tra này tại Chương 3.

Chương 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Tình hình, đặc điểm có liên quan đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội

2.1.1. Đặc điểm địa lý, dân cư, kinh tế, xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội

Hà Nội - Thủ đô của đất nước, nằm ở trung tâm châu thổ sông Hồng, là nơi có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên cho phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa. Hà Nội có vị trí địa lý - chính trị quan trọng, là đầu não chính trị - hành chính Quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế; là đầu mối giao thương bằng đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường sông tỏa đi các vùng khác trong cả nước và đi quốc tế. Tất cả những điều kiện thuận lợi đó đã thúc đẩy sự phát triển ngành du lịch, dịch vụ của thành phố và thu hút rất nhiều du khách cả trong nước và trên thế giới.

Bên cạnh đó, Hà Nội có mật độ dân cư phân bố không đồng đều, tập trung chủ yếu ở khu vực thành thị như quận Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm... chiếm gần 49,2% tổng dân số và tăng 2% so với cùng kỳ năm trước. Tốc độ gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa phát triển tương đối nhanh do vị thế kinh tế - xã hội tiềm năng của thành phố này và xu hướng di dân đi làm ăn kiếm sống tại đô thị hoặc học tập. [15]

Tình hình kinh tế - xã hội TPHN trong những năm gần đây tiếp tục phát triển tích cực, nền kinh tế duy trì được mức tăng trưởng khá, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính đến cuối năm 2019 ước đạt 185.031 tỷ đồng, đạt 70,3% dự toán, tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2018. Ngoài ra, TPHN cũng thu hút một lượng lớn dự án có vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) đạt 72,9 triệu USD.

Hoạt động tín dụng ngân hàng trên địa bàn thành phố Hà Nội tăng trưởng ổn định. Tính đến 30/9/2019, tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn đạt hơn 3,3 triệu tỷ đồng, tăng 9,63% so với 31/12/2018. Nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn có tốc độ tăng trưởng khá, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, khách hàng, nhu cầu đầu tư khác cũng như đảm bảo thanh khoản của các tổ chức tín dụng.

Các đặc điểm về vị trí địa lý, dân cư, tình hình kinh tế xã hội và đặc biệt là sự tăng trưởng của ngành ngân hàng trên địa bàn Thành phố Hà Nội đã có ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng trên địa bàn Thành phố Hà Nội trong thời gian qua.

2.1.2. Tình hình tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nói chung và trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.1.2.1. Tình hình tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Bảng 2.1. Số bị can phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Năm	Bị can phạm tội xâm phạm sở hữu	Bị can phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản
2013	2674	4077
2014	2937	4428
2015	2638	3629
2016	2517	3943
2017	2381	3321
2018	2176	2956
2019	2212	3158
Tổng cộng	17535	25512

Nguồn: Công an Thành phố Hà Nội

Qua những số liệu trên, chúng ta nhận thấy từ năm 2013 đến năm 2019, trên địa bàn Thành phố Hà Nội xảy ra 17535 vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với 25512 bị can, tội phạm này có xu hướng giảm cả về số vụ lẫn số bị can, cao nhất là thời điểm năm 2014 xảy ra 2937 vụ với 4428 bị can, thấp nhất là thời điểm 2018 xảy ra 2176 vụ với 2956 bị can. Tuy nhiên, so với các loại tội phạm xảy ra trên địa bàn TPHN mà lực lượng CSĐT Công an TPHN thụ lý thì tội phạm Lừa đảo CĐTTS chiếm tỷ lệ tương đối cao, với thủ đoạn ngày càng tinh vi, có tính chất chuyên nghiệp.

Thời gian qua được sự phối hợp, hỗ trợ của các lực lượng trong và ngoài ngành trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật nên ý thức cảnh giác của đa số người dân cũng tăng cao, có trách nhiệm trong việc quản lý tài sản của mình nên số vụ án Lừa đảo CĐTTS xảy ra có chiều hướng giảm.

2.1.2.2. Tình hình tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng

Theo số liệu thống kê của VKSNDTC, tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản phát sinh trong lĩnh vực ngân hàng từ 2013 đến 2019 là 112 vụ với 231 bị can. Trong số 231 bị can đã khởi tố có 127 bị can là lãnh đạo, nhân viên các tổ chức tín dụng. Hành vi phạm tội của các bị can đã xâm hại đến tài sản của 75 lượt ngân hàng, 21 công ty và một số cá nhân, với tổng số tiền thiệt hại là 49.640 tỷ đồng.[50]

2.1.3. Đặc điểm hình sự của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2013 đến năm 2019

Trong những năm gần đây, tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn TPHN có biểu hiện đa dạng, thủ đoạn ngày càng tinh vi. Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng xảy ra trên địa bàn TPHN, tác giả nhận thấy tội Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng có các đặc điểm như sau:

2.1.3.1. Đặc điểm về đối tượng phạm tội

Đối tượng phạm tội của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm hai đối tượng là cán bộ ngân hàng và đối tượng ngoài ngành ngân hàng, thường là các lãnh đạo ngân hàng và lãnh đạo các doanh nghiệp liên quan.

Qua tình hình điều tra các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng cho thấy, đối tượng phạm tội trong hầu hết các vụ án đều có sự tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp của cán bộ ngân hàng và có sự thông đồng, cấu kết giữa các cán bộ ngân hàng và các đối tượng ngoài ngành ngân hàng. Để chiếm đoạt tài sản của ngân hàng, các đối tượng phạm tội là cán bộ ngân hàng đã lợi dụng chức vụ, trách nhiệm được giao và sơ hở trong hoạt động cho vay cũng như sự buông lỏng quản lý, giám sát của ngân hàng thông đồng cấu kết với các đối tượng trong doanh nghiệp và ngoài xã hội. Các sai phạm được phát hiện trong các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng chủ yếu là các vi phạm quy định về thẩm định khi cho vay, bao gồm các sai phạm như thẩm định hồ sơ đề nghị vay vốn chưa chặt chẽ, thẩm định cho vay đối với khách hàng không đủ hồ sơ theo quy định, không chính xác, không trung thực, phân loại khách hàng không đúng, không phản ánh đúng năng lực tài chính của khách hàng, vi phạm về định giá tài sản bảo đảm, vi phạm trong phê duyệt quyết định cho vay, vi phạm trong việc giải ngân, vi phạm về tài sản bảo đảm, vi phạm trong việc kiểm tra việc sử dụng vốn vay...

2.1.3.2. Đặc điểm về phương thức, thủ đoạn của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng

Hoạt động tại các ngân hàng luôn được coi là những “mảnh đất màu mỡ” với nguồn lợi nhuận cao một cách hợp pháp, song cũng chính vì vậy, các ngân hàng đã trở thành mục tiêu của các đối tượng tội phạm nhằm thu lợi bất chính. Bên cạnh những ngân hàng hoạt động có uy tín, hiệu quả, cũng có một số ngân hàng còn buông lỏng quản lý, dẫn đến các đối tượng trong và ngoài ngân hàng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt hoặc gây thất thoát tài sản của Nhà nước, của ngân hàng, của khách hàng gửi tiền tại ngân hàng.

Các đối tượng phạm tội thường lợi dụng lòng tham của những người bị hại, sự thiếu hiểu biết pháp luật, thiếu trách nhiệm đối với quản lý tài sản của mình, hoặc sơ hở trong công tác quản lý hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng, để thực hiện hành vi phạm tội. Để chiếm đoạt tài sản, các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng thường sử dụng các thủ đoạn sau đây:

- ***Đối với đối tượng ngoài ngành ngân hàng***

Đối tượng ngoài ngành ngân hàng thường sử dụng một số thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản phổ biến như sau:

- Thế chấp không hàng hóa với khối lượng lớn dù thực chất chỉ có một ít hàng; hoặc giả mạo các hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng thuê kho ba bên, hóa đơn VAT,... để thế chấp vay vốn ngân hàng, trường hợp này thường có sự tiếp tay của cán bộ ngân hàng, sau khi thế chấp vay được tiền đối tượng sẽ chiếm đoạt khoản tiền đó;
- Thế chấp ngân hàng bằng hàng hóa hình thành từ vốn vay, ngân hàng giám sát không chặt chẽ để khách hàng bán tài sản nhưng không trả nợ;
- Lập hồ sơ dự án, phương án kinh doanh giả, sử dụng tài sản thế chấp không thuộc quyền sở hữu của mình để móc nối vay tiền ngân hàng;
- Giả mạo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở để thế chấp tại nhiều ngân hàng để vay vốn;
- Lợi dụng việc thuê nhà, thuê đất để kinh doanh rồi lừa đảo sử dụng giấy tờ sở hữu của chủ nhà, chủ đất làm giả sang tên cho mình hoặc làm sổ đỏ giả thế chấp vay tiền ngân hàng, chiếm đoạt;
- Lấy danh nghĩa cán bộ ngân hàng để huy động vốn trong nhân dân với số lượng lớn sau đó chiếm đoạt, giả danh là cán bộ ngân hàng gọi điện yêu cầu khách hàng cung cấp mã số thẻ và mã OTP để kiểm tra...
- Sử dụng (lợi dụng) công nghệ cao nhằm chiếm đoạt tài sản qua hệ thống

ngân hàng với thủ đoạn dùng khoa học công nghệ, thông qua mạng Internet xâm nhập vào các tài khoản trong ngân hàng... để chiếm đoạt tiền trong tài khoản.

- Lôi kéo, mua chuộc được cán bộ ngân hàng, chủ yếu là cán bộ trực tiếp làm công tác tín dụng, cán bộ thẩm định hồ sơ, tài sản thế chấp, hoặc lãnh đạo của các chi nhánh ngân hàng, bằng cách cho hưởng phần trăm hoặc “hoa hồng” trên tổng số tiền vay.

- ***Đối với các đối tượng là cán bộ ngân hàng***

Các cán bộ ngân hàng khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thường sử dụng một số thủ đoạn như sau:

- Giả mạo chữ ký của lãnh đạo ngân hàng, kế toán viên, thủ quỹ để làm thủ tục chuyển tiền cho chi nhánh ngân hàng khác trong hệ thống rồi rút lại tiền;
- Sử dụng, làm giả tài liệu, đánh tráo giấy tờ, làm giả con dấu để chiếm đoạt tài sản của khách hàng và ngân hàng;
- Lập phương án kinh doanh giả, lập hồ sơ giả đối với tài sản thế chấp, lập hồ sơ vay vốn ứng trước tiền bán chứng khoán không... để rút tiền chiếm đoạt;
- Lợi dụng sơ hở, thiếu cẩn trọng trong công việc của các đồng nghiệp để lũng các chứng từ chuyển tiền giả mạo vào công văn trình ký.
- Lợi dụng vị trí công tác, uy tín của ngân hàng để thực hiện hành vi lừa đảo nhằm rút tiền của ngân hàng hoặc chiếm đoạt tiền của các tổ chức, cá nhân, thông qua các biện pháp nghiệp vụ như: huy động vốn cho ngân hàng (thỏa thuận trả lãi suất cao hơn quy định Nhà nước cho phép), sau đó không đưa vào ngân hàng mà chiếm đoạt luôn tiền, tài sản của các cá nhân, tổ chức;
- Sử dụng các biện pháp nghiệp vụ nhằm sửa chữa, tẩy xóa nâng giá trị tiền lên nhiều lần trong các chứng chỉ tiền gửi của các ngân hàng phát hành, rồi đem thế chấp tại chính ngân hàng mình đang công tác.

Tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng thường có sự cấu kết, móc nối giữa các đối tượng trong và ngoài ngân hàng. Một số cán bộ ngân hàng bị tội phạm mua chuộc đã tiếp tay, thông đồng với tội phạm, thực hiện hành vi trái pháp luật, sau đó che giấu sai phạm bằng nghiệp vụ ngân hàng. Điển hình là vụ án Chu Minh Ngọc - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Xây lắp và vật liệu công nghiệp CIMCO cấu kết với cấp dưới và nhiều nhân viên ngân hàng để chiếm đoạt hàng 132 tỷ đồng của 2 ngân hàng OCB Thăng Long và PGBank Thăng Long. Để có tiền trả nợ ngân

hàng, duy trì hoạt động của Công ty và sử dụng cho mục đích cá nhân, Chu Minh Ngọc, đã chỉ đạo Lê Thị Hương - Kế toán trưởng lập khống báo cáo tài chính, phương án sản xuất kinh doanh... để được ký 3 hợp đồng hạn mức tín dụng với OCB Thăng Long và PGBank Thăng Long. Do có quen biết từ trước nên dù hồ sơ đề nghị vay không đạt yêu cầu, Lương Duy Huỳnh - nguyên Giám đốc PGBank Thăng Long chỉ đạo cấp dưới tiếp tục giải ngân cho Công ty CIMCO vay vốn mà không cần tài sản bảo đảm, ký giải ngân khi Công ty CIMCO không có vốn đối ứng; ký khống Biên bản bàn giao tài sản bảo đảm... Vũ Đức Thực - nguyên Giám đốc OCB Thăng Long cho gia hạn thực hiện hợp đồng tín dụng, ký giải ngân với Công ty CIMCO mà không yêu cầu bổ sung tài sản bảo đảm, không kiểm soát được số tài sản bảo đảm này, không mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo...

Không ít đối tượng là cán bộ ngân hàng yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ, thiếu tinh thần trách nhiệm, bị lệ thuộc vào cấp trên, thực hiện không đúng quy trình, quy định về cho vay, không kiểm tra, giám sát sau khi cho vay theo quy định chức trách, nhiệm vụ, dẫn đến bị các đối tượng phạm tội khác lợi dụng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của ngân hàng, khách hàng.

Ngoài ra, tội phạm sử dụng công nghệ cao để lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng ngày càng gia tăng về số vụ án với phương thức, thủ đoạn phạm tội tinh vi, phức tạp.

Qua các vụ việc, Công an TPHN nhận thấy thủ đoạn, phương thức phạm tội của tội phạm công nghệ cao rất đa dạng và ngày càng tinh vi hơn, bao gồm:

- (1) Skimming (dùng máy cà thẻ có gắn hộp quẹt thẻ có chức năng mã hoá để ghi trộm dãy số trên thẻ);
- (2) Trộm cắp thông tin cá nhân và thông tin thẻ trên hóa đơn cà thẻ;
- (3) Skimming lấy thông tin từ máy ATM;
- (4) Sử dụng phần mềm gián điệp;
- (5) Truy cập bất hợp pháp vào website, cơ sở dữ liệu để trộm cắp dữ liệu;
- (6) Dùng thủ đoạn phishing (dùng phần mềm e-mail giả để lừa lấy các thông tin cá nhân);
- (7) Phát tán thư rác;
- (8) Tạo trang web bán hàng giả;
- (9) Thành lập công ty ma, công ty ảo để trộm cắp dữ liệu;
- (10) Thu thập, mua bán thông tin thẻ tín dụng trên các diễn đàn về thẻ tín dụng

của hacker.

Trong các thủ đoạn trên, phổ biến nhất là:

- Lừa khách hàng tự chuyển tiền: Giả mạo Cơ quan điều tra thông báo liên quan đến một vụ án bất kỳ và yêu cầu khách hàng chuyển tiền để phục vụ điều tra. Thông báo thông tin giả về trúng thưởng từ ngân hàng hoặc các công ty lớn, yêu cầu cung cấp số OTP khách hàng. Giả mạo người thân, bạn bè nhờ chuyển tiền hộ, mua thẻ điện thoại.
- Đánh cắp thông tin bảo mật từ khách hàng: Giả mạo cán bộ ngân hàng, yêu cầu cung cấp mật khẩu, mã PIN hoặc thông tin thẻ để xử lý sự cố liên quan đến các dịch vụ ngân hàng hoặc thẻ. Gửi email/tin nhắn có chứa link truy cập vào website của dịch vụ chuyển tiền, nhận tiền từ nước ngoài, nhập thông tin đăng nhập tài khoản Internet Banking, hoặc thông tin thẻ để nhận tiền. Thực chất đây là các website giả mạo để lừa khách hàng cài đặt các phần mềm/ứng dụng gián điệp để đánh cắp thông tin từ tin nhắn hoặc khi khách hàng đăng nhập website của ngân hàng. Sử dụng phương tiện điện tử, đánh cắp thông tin và mật khẩu chủ thẻ ngân hàng, kích hoạt máy trừ ATM, đánh cắp tiền đang được lưu giữ tại các trụ ATM.
- Sử dụng cuộc gọi điện thoại giả danh Cơ quan Nhà nước: Đối tượng xấu gọi điện thoại giả danh cán bộ cơ quan Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, nhân viên ngân hàng... gọi điện yêu cầu cung cấp thông tin thẻ ngân hàng để nhận gửi bưu phẩm hoặc giấy triệu tập, chuyển tiền vào tài khoản chỉ định trước để phục vụ điều tra...; giả mạo người cho vay trực tuyến lừa khách hàng có nhu cầu vay vốn, yêu cầu cung cấp thông tin về thẻ hoặc tài khoản ngân hàng điện tử nhằm đánh cắp tiền trong tài khoản của người khác.
- Sử dụng phần mềm công nghệ cao (Voice over IP) giả số điện thoại cơ quan Công an để lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Đối tượng xấu dùng ứng dụng công nghệ phần mềm công nghệ cao Voice over IP (cách gọi sử dụng ứng dụng truyền tải giọng nói qua mạng máy tính, giả số điện thoại hiển thị trên màn hình,...) thực hiện các cuộc gọi đến có số điện thoại hiển thị trên màn hình điện thoại người nhận các số giống với số Trụ ban Công an,... Sau đó tự xưng cán bộ Công an đe dọa, tống tiền nhân dân. Số điện thoại lừa đảo sẽ xuất hiện thêm các đầu số: 1080, +084028 hoặc +028... phía trước

các đầu số máy giả mạo hiển thị khi gọi đến.

Trong lĩnh vực thẻ tín dụng, do sơ hở trong quản lý của một số ngân hàng nên đã phổ biến loại tội phạm sử dụng thẻ tín dụng đã hết hạn của nước ngoài vào một nước khác rút tiền. Ngoài ra, tội phạm sử dụng công nghệ cao còn trộm cắp thông tin cá nhân của các chủ tài khoản, sau đó in thẻ giả để rút trộm tiền của người nước ngoài và công dân trong nước.

2.1.3.3. Đặc điểm nhân thân người bị hại

Người bị hại trong vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng rất đa dạng nhưng chủ yếu là:

- Ngân hàng;
- Các cán bộ ngân hàng cả tin, quan liêu, năng lực yếu kém dẫn đến bị lợi dụng và để xảy ra vi phạm, tội phạm;
- Những người ngoài ngành ngân hàng có sử dụng một hoặc nhiều dịch vụ ngân hàng, thiếu hiểu biết về các dịch vụ và hoạt động của ngân hàng, thiếu hiểu biết về công nghệ, không cẩn trọng/thiếu kinh nghiệm trong giao dịch và bảo mật cá nhân, nhẹ dạ, cả tin, không nắm vững các nguyên tắc, quy định về quản lý tài sản, nên dễ bị các đối tượng phạm tội dụ dỗ, thực hiện hành vi lừa đảo CĐTTS mà không hay biết.

2.1.3.4. Đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt

Qua nghiên cứu hồ sơ các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng từ năm 2013-2019 trên địa bàn TPHCM, nhận thấy tài sản bị chiếm đoạt mang tính đa dạng, chủ yếu tập trung vào các tài sản như: Tiền, vàng và các loại giấy tờ có giá khác.

2.1.3.5. Đặc điểm hậu quả của tội phạm

Hậu quả của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng trước tiên là những thiệt hại về tài sản do tài sản bị chiếm đoạt của người bị hại. Chỉ tính riêng thành phố Hà Nội, theo Báo cáo tổng kết công tác năm 2017, lực lượng cảnh sát kinh tế - Công an thành phố Hà Nội đã phát hiện, điều tra 1.048 vụ án về kinh tế, 90 vụ xâm phạm sở hữu tài sản. Trong đó, tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 65 vụ (chiếm 72,22% tổng số vụ xâm phạm sở hữu tài sản), 89 đối tượng, thiệt hại tài sản 22.555 triệu đồng (*Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 của Phòng Cảnh sát kinh tế – Công an TP Hà Nội*). Ngoài những thiệt hại về tài sản, tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng còn tác động tiêu cực lên hoạt động của

hệ thống các ngân hàng tại Việt Nam.

Thứ nhất, thiệt hại về tài sản trong các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng thường rất lớn.

Ví dụ:

- Lê Quốc Dương - Tổng giám đốc Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu inox Châu Âu đã thành lập các công ty khác nhờ người thân đứng tên giám đốc, đại diện theo pháp luật, sau đó, lập khống các hợp đồng mua bán hàng hóa để đưa vào hồ sơ vay vốn ngân hàng, tài sản bảo đảm là hàng hóa (inox) được mua từ nguồn vốn vay. Khối lượng hàng hóa là inox thê chấp cho các ngân hàng rất lớn, hơn 5.400 tấn, nhưng thực tế hàng hóa trong kho chỉ có 632 tấn. Từ đó, Lê Quốc Dương đã chiếm đoạt 80 tỷ đồng của Seabank, 35 tỷ đồng của LienViet Post Bank, 30 tỷ đồng của PG Bank, 45 tỷ đồng của Navibank và 14 tỷ đồng của Techcombank.
- Chu Minh Ngọc - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Xây lắp và vật liệu công nghiệp CIMCO, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Vật tư kỹ thuật TMC và điều hành Công ty Xuất nhập khẩu CIM câu kết với cấp dưới và nhiều nhân viên ngân hàng để chiếm đoạt hàng 132 tỷ đồng của 2 ngân hàng OCB Thăng Long và PGBank Thăng Long.

Thứ hai, tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản gây ra những tác động tiêu cực lên hệ thống ngân hàng tại Việt Nam.

Cụ thể, các hành vi phạm tội được thực hiện trót lọt bởi các cán bộ ngân hàng và những nguồn lợi bất chính dễ dàng có được từ các hành vi này có thể làm tha hóa, biến chất, phá hoại tư tưởng những cán bộ khác đang làm việc trong hệ thống ngân hàng. Thực tế, trong những năm gần đây, số lượng tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng là cán bộ ngân hàng ngày càng gia tăng, chứng tỏ số lượng cán bộ bị tha hóa, biến chất ngày càng nhiều. Thực trạng này làm dấy lên lo ngại về vấn đề gia tăng rủi ro và nguy cơ gây mất an toàn của hệ thống ngân hàng, đẩy ngân hàng vào tình trạng mất khả năng thanh khoản, đóng băng tín dụng và tác động trực tiếp đến an ninh tài chính, tiền tệ quốc gia.

Bên cạnh đó, kết quả thống kê cho thấy, trung bình mỗi vụ án phát sinh trong lĩnh vực ngân hàng có 09 bị can tham gia, hầu hết các vụ án đều có tính đồng phạm, phạm tội có tổ chức; hậu quả do tội phạm gây ra là đặc biệt nghiêm trọng. Hay nói khác, các vụ án liên quan đến hoạt động tín dụng của các ngân hàng thường có nhiều

đối tượng tham gia, nhiều tình tiết phức tạp, thủ đoạn thực hiện tinh vi và cấu thành nhiều tội danh. Tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng đã thực sự trở thành nguy cơ đe dọa quá trình triển khai chủ trương, chính sách, pháp luật về hoạt động ngân hàng bị sai lệch, gây ra hậu quả rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, không chỉ làm thiệt hại về tài sản mà còn làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống tài chính, làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế – xã hội. Từ đó, làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào sự quản lý, điều hành của Nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng.

2.2. Tổ chức lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội trong hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng

2.2.1. Tổ chức lực lượng

Tình hình tổ chức, bộ máy của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an

Hiện nay tổ chức, bộ máy các Cơ quan Cảnh sát điều tra thuộc Bộ Công an vẫn cần phải tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện, vì tổ chức cơ quan Cảnh sát điều tra còn nhiều đầu mối và chưa thống nhất. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an có 05 đầu mối: Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, xâm phạm sở hữu trí tuệ.

Tại Công an cấp tỉnh, tổ chức cơ quan Cảnh sát điều tra cũng tương tự, chỉ có một điều khác là bộ phận điều tra tội phạm buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, xâm phạm sở hữu trí tuệ không lập phòng mà lập đội trực thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ.

Ở cấp huyện, Bộ Công an giao cho Giám đốc Công an cấp tỉnh lập các đội điều tra. Hiện có 1.629 đầu mối là các đội Cảnh sát điều tra, tuy vậy số lượng Đội Cảnh sát điều tra ở Công an các quận, huyện không giống nhau (có 114 Công an cấp quận, huyện lập 04 đội Điều tra; 398 Công an cấp quận, huyện lập 03 đội Điều tra; còn lại lập 01 hoặc 02 đội điều tra).

- Cơ quan Cảnh sát điều tra thuộc Công an Thành phố Hà Nội, gồm:

+ Cấp Thành phố có: Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra; Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng,

kinh tế và chức vụ; Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy.

+ Cấp huyện có: có 29 Cơ quan Cảnh sát điều tra thuộc 29 Công an quận huyện, mỗi Cơ quan Cảnh sát điều tra có 04 đội điều tra, gồm: Đội Điều tra tổng hợp, Đội CSĐT tội phạm hình sự, Đội CSĐT tội phạm ma túy và Đội CSĐT tội phạm kinh tế và môi trường.

- Về tình hình Điều tra viên

Số lượng điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra toàn Thành phố Hà Nội (bao gồm 04 phòng và 29 quận huyện) hiện nay là: 376 ĐTV. Trong đó ĐTV cao cấp có: 89 người, ĐTV trung cấp có: 154 người, ĐTV sơ cấp có: 133 người. Trình độ cao học có: 93 ĐTV, trình độ đại học có: 283 ĐTV (gồm đại học Cảnh sát, đại học luật và đại học khác), trình độ cao đẳng: 03 ĐTV.

Số liệu trên cho thấy lực lượng ĐTV vẫn thiếu về số lượng và trình độ còn hạn chế, chưa đáp ứng đòi hỏi của nhiệm vụ được giao.

2.2.2. Quan hệ phối hợp trong quá trình điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra trên địa bàn Thành phố Hà Nội

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phối hợp với VKS nhân dân cùng cấp ngay từ khi tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và đảm bảo việc kiểm sát trong suốt quá trình điều tra; đảm bảo việc khởi tố, bắt, tạm giữ, tạm giam, truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; chấn chỉnh, khắc phục việc đình chỉ điều tra không đúng quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 25 BLHS năm 1999 và khoản 2 Điều 107 Bộ luật TTHS năm 2003 để tránh oan, sai, bỏ lọt tội phạm; kịp thời giải quyết các khiếu nại, tố cáo, nhất là khiếu nại kêu oan, đơn tố cáo bức cung, nhục hình; rà soát, kiểm tra giải quyết các trường hợp khiếu nại cho rằng bị oan trong các trường hợp đình chỉ không đúng các khoản 1 và 2 Điều 25 BLHS năm 1999 và khoản 2 Điều 107 Bộ luật TTHS năm 2003. Đối với những vụ án có tính chất phức tạp hoặc có nhiều quan điểm đánh giá chứng cứ, định tội danh thì CQĐT tổ chức họp liên ngành với VKS và TAND để cùng nhau phân tích đi đến thống nhất định tội danh theo đúng khoa học luật hình sự.

Từ năm 2013 đến năm 2019, mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng rất chặt chẽ trong quá trình điều tra vụ án hình sự. Ngay từ khi tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm đã có sự tham gia kiểm sát của VKS cùng cấp, tránh để xảy ra trường hợp sót lọt tội phạm cũng như dẫn tới oan sai. Tuy nhiên, do tác động nhiều mặt từ khách quan lẫn chủ quan thì vẫn còn một bộ phận ĐTV, Kiểm sát viên, Thẩm

phán chưa nghiêm túc trong chấp hành pháp luật; yếu kém về năng lực, trình độ; chưa thường xuyên, kịp thời cập nhật kiến thức pháp luật; thiếu tính chuyên nghiệp; có biểu hiện bệnh thành tích, nôn nóng trong giải quyết vụ án, quá tin vào lời nhận tội của bị can, bị cáo; việc thu thập, đánh giá chứng cứ chưa thật đầy đủ, khách quan, toàn diện; chưa bảo đảm đúng nguyên tắc "suy đoán vô tội", từ đó có thái độ đối xử với người bị bắt, bị can, bị cáo như là người có tội; thiếu bản lĩnh, bị kẻ xấu lợi dụng mua chuộc, làm tha hóa, biến chất, tiếp tay cho tội phạm.

Bên cạnh sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, quá trình điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng còn đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan Cảnh sát điều tra và ngân hàng. Trên thực tế, các ngân hàng chưa có sự phối hợp kịp thời với các cơ quan Cảnh sát điều tra để phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng, làm giảm khả năng thu hồi được tài sản bị chiếm đoạt.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự ở Thành phố Hà Nội: Đa số các vụ án Lừa đảo CĐTTS luôn gắn liền với việc định giá tài sản bị chiếm đoạt để làm căn cứ khởi tố bị can và định khung hình phạt. Do vậy, khi cần thiết phải định giá một tài sản, Thủ trưởng Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản gửi kèm theo biên bản ghi lời khai của người bị hại và biên bản khảo sát giá trị tài sản, tài sản cần định giá (nếu có) đến Hội đồng định giá để tiến hành định giá theo đúng quy định tại Nghị định số 26/2005/NĐ-CP ngày 02/3/2005 của Chính phủ về hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự (Điều 215, Điều 216, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 220, Điều 221, Điều 222 Bộ luật TTHS năm 2015). Sau khi đã định được giá trị tài sản, Hội đồng định giá sẽ thông báo kết quả cho CQĐT bằng văn bản cụ thể để lấy cơ sở tiến hành điều tra. Tuy nhiên, đối với tài sản định giá phức tạp, cần phải có sự tham gia của cơ quan thứ ba, thì phải mất thời gian rất lâu Cơ quan điều tra mới nhận được kết quả, thậm chí có trường hợp do ý chí chủ quan của cán bộ làm công tác định giá. Điều này làm ảnh hưởng đến tiến độ điều tra của Cơ quan điều tra.

2.3. Hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội

2.3.1. Giai đoạn điều tra ban đầu

2.3.1.1. Tiếp nhận và xử lý tố giác, tin báo

Theo số liệu của Bộ Công an, năm 2019 đã khởi tố 39 vụ, 112 bị can liên quan đến tội Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng. Qua nghiên cứu hồ sơ các vụ án

này và tin báo tố giác về hành vi lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng từ năm 2013 đến năm 2019, cho thấy công tác tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng từ nhiều nguồn khác nhau, cụ thể:

Thứ nhất, do Cơ quan điều tra cấp quận, huyện tiếp nhận.

Phần lớn các tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS lĩnh vực ngân hàng được người bị hại hoặc quần chúng nhân tố cáo, thông báo trực tiếp đến Công an quận, huyện ở Thành phố Hà Nội hoặc gửi đơn theo đường bưu điện, chỉ một số nhỏ được tiếp nhận bởi Công an xã, phường.

Khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS, Công an xã, phường lập biên bản về việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, nghiên cứu về thẩm quyền điều tra và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho Cơ quan điều tra cấp quận, huyện.

Khi tiếp nhận hồ sơ ban đầu do Công an xã, phường chuyển đến, Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp quận, huyện tiến hành đầy đủ các thủ tục giao nhận hồ sơ, tài liệu, vật chứng, đối tượng theo quy định. Sau đó nghiên cứu hồ sơ, tiến hành hoàn thiện những vấn đề còn thiếu sót trong hồ sơ, báo cáo đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện, xin ý kiến chỉ đạo để tiến hành các biện pháp điều tra tiếp theo như quy định của Bộ luật TTHS.

Theo báo cáo tổng kết từ năm 2013-2019, số tin báo tố giác và kiến nghị khởi tố do Cơ quan điều tra cấp quận, huyện tiếp nhận là 137/213 (chiếm khoảng 64,32%), trong đó bao gồm cả số tin báo tố giác do Công an xã, phường chuyển đến. Thực tế hiện nay, do khi tiếp nhận tin báo tố giác về hành vi lừa đảo, Công an xã, phường lập hồ sơ tiếp nhận và chuyển ngay cho Cơ quan điều tra cấp huyện chứ không tiến hành các hoạt động điều tra, nên không thống kê được số tin báo tố giác do Công an cấp xã phường tiếp nhận.

Thứ hai, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội tiếp nhận.

Từ năm 2013-2019, số tin tố giác và kiến nghị khởi tố do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội tiếp nhận là 65 (chiếm 32,29%).

Với những tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS do người bị hại hoặc quần chúng nhân dân trực tiếp đến trình báo thì Trục ban hình sự Công an Thành phố lập biên bản tiếp nhận và ghi vào sổ tiếp nhận; có thể ghi âm hoặc ghi hình có âm

thanh việc tiếp nhận. [46] Nếu tố giác, tin báo về tội phạm được gửi qua bưu chính, điện thoại hoặc qua phương tiện thông tin khác thì ghi vào sổ tiếp nhận.

Nếu xác định tố giác, tin báo về tội phạm không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền, ví dụ như Cục Cảnh sát Phòng, Chống Tội Phạm Sử Dụng Công Nghệ Cao...

Nếu xác định tố giác, tin báo về tội phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì tiến hành xác minh, điều tra theo quy định tại Điều 145, Điều 146, Điều 147 Bộ luật TTHS năm 2015.

Với những tố giác, tin báo về tội phạm do các đơn vị nghiệp vụ, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội chuyển thì Trực ban hình sự tiến hành các thủ tục giao nhận hồ sơ, tài liệu, vật chứng theo quy định của pháp luật.[49] Đặc biệt cần chú ý yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản cung cấp các giấy tờ, tài liệu chứng minh được quyền sở hữu về tài sản mà họ đã bị lừa đảo chiếm đoạt như: Giấy chứng minh nhân dân, các giấy đăng ký xe, quyền sử dụng đất, hóa đơn, chứng từ hoặc các giấy tờ khác có liên quan...

Ngoài ra, theo kế hoạch số 162/KH-CAHN-PV01 về triển khai “Kênh tiếp nhận thông tin của người dân về tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn Thủ đô qua mạng xã hội Facebook”, từ ngày 17/6/2019, Công an thành phố Hà Nội đã bắt đầu tiếp nhận thông tin về tình hình an ninh, trật tự tin cũng như nghi vấn về hoạt động của các loại tội phạm, vi phạm pháp luật và thông tin khác thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng công an qua Facebook. Theo kế hoạch, thông qua địa chỉ trang Facebook "Công an Thành Phố Hà Nội", Công an thành phố sẽ tiếp nhận, xử lý thông tin về an ninh, trật tự của người dân qua hai hình thức gồm: nhắn tin qua trang Facebook và nhắn tin qua ứng dụng Facebook Messenger.

Thông tin tiếp nhận từ người dân dưới dạng văn bản, hình ảnh, video clip, ghi âm với nội dung về tình hình an ninh, trật tự; phản ánh về tư thế, tác phong cán bộ, chiến sĩ khi thực hiện nhiệm vụ; tin nghi vấn về hoạt động của các loại tội phạm, vi phạm pháp luật và thông tin khác thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng công an mà người dân cần giải đáp.

Cán bộ trực sẽ tiếp nhận thông tin, chọn lọc, phân loại để trả lời người dân hoặc chuyển thông tin cho các đơn vị nghiệp vụ trả lời. Sau khi có kết quả xử lý, Trung tâm thông tin chỉ huy sẽ tập hợp đăng tin, bài trên trang Facebook và đề nghị người

dân cùng lực lượng công an theo dõi, đánh giá, giám sát kết quả thực hiện. Người dân cung cấp tin tức về an ninh, trật tự sẽ được bảo vệ tuyệt đối về bí mật thông tin cá nhân.

Việc tiếp nhận thông tin an ninh, trật tự trên mạng xã hội Facebook sẽ giúp lực lượng công an chủ động trong công tác nắm tình hình; nâng cao chất lượng, hiệu quả tiếp nhận, giải quyết các tố giác, tin báo và kiến nghị, phản ánh của người dân; kịp thời xử lý các vụ việc ngay từ cơ sở, không để diễn biến kéo dài.

2.3.1.2 Phát hiện vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng từ các hoạt động nghiệp vụ khác, qua mở rộng các vụ án khác.

Qua nghiên cứu các báo cáo tổng kết từ năm 2013-2019 và thực tế điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS của Cơ quan CSĐT TPHN, thì hầu hết, Cơ quan điều tra chỉ phát hiện tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng qua tin báo, tố giác về tội phạm của các cá nhân, tổ chức và ngân hàng. Các hoạt động nghiệp vụ khác, như sử dụng công nghệ cao, chỉ giúp Cơ quan điều tra làm rõ các mối quan hệ của người phạm tội, những nơi có khả năng cất giấu tài liệu, vật chứng hoặc tài sản chiếm đoạt được... chứ chưa trực tiếp phát hiện ra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng.

Đối với tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có sự phối hợp với các ngân hàng để nắm bắt tình hình, phát hiện những phương thức, thủ đoạn hoạt động của loại tội phạm này và vi phạm pháp luật trên lĩnh vực ngân hàng, tín dụng, tuy nhiên, sự phối hợp này còn thiếu tính chủ động, kịp thời, dẫn đến hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn loại tội phạm này chưa cao.

Trên thực tế, trong quá trình tiến hành giải quyết tin báo tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố, phát hiện người bị tố cáo có tài sản nhưng không tiến hành các biện pháp như kê biên, phong tỏa tài khoản được do Luật TTHS không có quy định về biện pháp phong tỏa tài sản trong quá trình điều tra vụ án (việc phong tỏa tài sản cũng chỉ được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự). Điều này dẫn đến việc các đối tượng phạm tội nhanh chóng tẩu tán tài sản xảy ra mà CQĐT không có biện pháp ngăn chặn.[02]

Ngoài ra CQĐT còn có thể tiếp nhận thông tin về tội phạm Lừa đảo CĐTTS thông qua việc người phạm tội ra đầu thú do một số trường hợp hành vi phạm tội bị phát hiện, thấy không có khả năng trốn thoát và trả lại tài sản. Tuy nhiên, trên thực tế tại Cơ quan Cảnh sát điều tra hai cấp ở Công an TPHN thời gian từ 2013 đến năm 2019 chưa tiếp nhận trường hợp nào đối tượng ra đầu thú.

2.3.1.3. Lấy lời khai người bị hại, người làm chứng

Lấy lời khai người bị hại

Trong quá trình điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng, Cơ quan Cảnh sát điều tra TPHN đã luôn chú trọng công tác tiến hành lấy lời khai người bị hại một cách kịp thời để tạo thuận lợi cho việc nhanh chóng xác định đối tượng phạm tội và triển khai các biện pháp cấp bách, các hoạt động điều tra tiếp theo như: truy bắt thủ phạm theo dấu vết nóng, truy tìm tài sản bị chiếm đoạt, thu giữ đồ vật, tài liệu, chứng cứ có liên quan... nhằm ngăn chặn các hành vi che giấu, tẩu tán tài sản bị chiếm đoạt của các đối tượng phạm tội.

Bảng 2.2 Tình hình lấy lời khai người bị hại

Năm	Số vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng	Số người bị hại	Số lần lấy lời khai
2013	11	15	30
2014	14	19	39
2015	16	22	50
2016	13	20	46
2017	15	23	55
2018	20	26	61
2019	23	31	73
Tổng cộng	112	156	354

Nguồn: Công an Thành phố Hà Nội

Qua nghiên cứu 112 hồ sơ vụ án Lừa đảo CĐTTS mà Cơ quan Cảnh sát điều tra TPHN đã thụ lý điều tra thì có 156 người bị hại, Điều tra viên đã thực hiện 354 lần lấy lời khai người bị hại, người lấy lời khai ít nhất 02 lần và nhiều nhất 04 lần.

Trong quá trình lấy lời khai và viết biên bản ghi lời khai, Điều tra viên đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 133, Điều 188 Bộ luật TTHS năm 2015. Nội dung lấy lời khai được Điều tra viên tập trung làm rõ bao gồm:

- + Nhân thân lai lịch người bị hại;
- + Nội dung, diễn biến, thời gian và địa điểm xảy ra vụ án Lừa đảo CĐTTS; thủ đoạn đối tượng phạm tội sử dụng để lừa đảo CĐTTS;
- + Số lượng, đặc điểm của đối tượng phạm tội Lừa đảo CĐTTS, hiện đối tượng phạm tội ở đâu (nếu biết); mối quan hệ giữa người bị hại với đối tượng phạm tội Lừa

đảo CĐT;

+ Đặc điểm công cụ, phương tiện gây án; đặc điểm, nguồn gốc, số lượng, giá trị tài sản bị chiếm đoạt;

+ Những ai chứng kiến vụ Lừa đảo CĐT; những yêu cầu, kiến nghị trong việc giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, công tác lấy lời khai người bị hại của Điều tra viên trong một số trường hợp là chưa kịp thời và hiệu quả. Nguyên nhân chủ yếu là do khi vụ việc xảy ra người bị hại, cơ quan, tổ chức chưa ngay lập tức nhận thức được về hành vi Lừa đảo CĐT của các đối tượng phạm tội mà thường mất một thời gian dài mới thông báo cho CQĐT. Hoặc cũng có trường hợp người bị hại không báo ngay cho CQĐT, mà để tự giải quyết, sau khi không thể lấy lại được tài sản mới làm đơn tố giác. Ngoài ra, trường hợp đối tượng Lừa đảo CĐT sử dụng công nghệ cao, thì việc không kịp thời lấy lời khai của người bị hại gây ảnh hưởng rất lớn đến quá trình điều tra vụ án.

Lấy lời khai người làm chứng

Qua nghiên cứu hồ sơ 112 vụ án Lừa đảo CĐT trong lĩnh vực ngân hàng do Cơ quan CSĐT TPHN thụ lý điều tra cho thấy, nhiều vụ án Lừa đảo CĐT trong lĩnh vực ngân hàng không có người làm chứng hoặc lời khai người làm chứng không đem lại hiệu quả cao, nhất là trong các vụ án tội phạm sử dụng công nghệ cao. Trong số 112 vụ án, các ĐTV đã lấy lời khai của người làm chứng 67 lần, trong đó lấy lời khai đối với một người ít nhất là 01 lần và nhiều nhất là 03 lần.

Trong các vụ án có người làm chứng, Cơ quan CSĐT TPHN đã lấy lời khai của người làm chứng sau khi vụ án xảy ra theo đúng quy định của Điều 185, Điều 186, Điều 187 Bộ luật TTHS năm 2015, để làm rõ hành vi vi phạm pháp luật và khai thác lời khai của các đối tượng phạm tội. Tuy nhiên, qua thực tiễn hoạt động điều tra vụ án nói chung, vụ án Lừa đảo CĐT trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng thì một số trường hợp người làm chứng có tâm lý ngại tiếp xúc, làm việc với CQĐT, có xu hướng trốn tránh. Do đó Điều tra viên cần có biện pháp tác động tâm lý phù hợp để người làm chứng phối hợp giúp đỡ trong quá trình điều tra, nhanh chóng làm rõ vụ án.

2.3.1.4. Khởi tố vụ án, khởi tố bị can

- Khởi tố vụ án

Bảng 2.3 Tình hình giải quyết TGTB về tội phạm

Năm	Nguồn	Số vụ đã	Số vụ Không khởi	Số vụ chưa có
-----	-------	----------	------------------	---------------

	TBTG	khởi tố VAHS	tố VAHS	căn cứ xử lý
2013	19	11	8	0
2014	21	14	6	1
2015	25	16	5	4
2016	22	13	5	4
2017	31	15	7	9
2018	40	20	8	12
2019	55	23	15	17
Tổng cộng	213	112	54	47

Nguồn: Công an Thành phố Hà Nội

Theo báo cáo của Công an TPHN thì từ năm 2013 - 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra TPHN đã phát hiện 213 vụ việc về lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó có 112/213 vụ đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (chiếm 52,58%), còn lại 101 vụ (chiếm 47,42%) ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự hoặc chưa có căn cứ xử lý. Trong đó, ra Quyết định Không khởi tố 54 trường hợp (chiếm 25,35%), chưa có cơ sở xử lý 47 trường hợp (chiếm 22,06%). Nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức của người dân về tội phạm, khi bị mất tài sản, họ đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan công an, tuy nhiên nhiều sự việc chỉ là quan hệ dân sự, hoặc sau khi tiếp nhận tin báo tố giác, qua xác minh sơ bộ ban đầu, đối tượng cam kết trả lại tài sản cho người bị hại, vì vậy CQĐT kết thúc hồ sơ và tạo điều kiện cho người bị hại nhận lại tài sản. Thời gian qua, hoạt động điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS của Cơ quan CSĐT TPĐN gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Đặc biệt là sự không thống nhất quan điểm xử lý giữa VKS và CQĐT, làm ảnh hưởng đến thời hạn điều tra, hay cũng có khi để sót lọt tội phạm.

Thực tế nghiên cứu cho thấy việc chưa thống nhất quan điểm này là do những nguyên nhân sau đây:

+ Do đặc điểm pháp lý cũng như dấu hiệu pháp lý của tội Lừa đảo CĐTTS có những đặc điểm và dấu hiệu giống với một số tội phạm khác như: Lạm dụng tín nhiệm CĐTTS, tội Lừa dối khách hàng, tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản... Mặt khác, quá trình tiếp nhận thông tin ban đầu xác định là tội Lừa đảo CĐTTS nhưng sau khi tiến hành điều tra, xác định rõ thì lại khởi tố về tội khác hoặc ngược lại;

+ Sau khi thực hiện hành vi lừa đảo CĐTTS, thì đối tượng phạm tội bị phát hiện đã tự nguyện giao nộp, bồi thường thiệt hại tài sản cho người bị hại. ĐTV tiến hành cho người bị hại và đối tượng thỏa thuận với nhau, sau đó đề xuất giao Công an phường hoặc cơ quan khác xử lý vụ việc.

+ Đối tượng phạm tội là người hiểu biết pháp luật hoặc được tư vấn pháp lý do đó quá trình điều tra gặp nhiều khó khăn, đối tượng có thể khai báo quanh co nhằm che giấu hành vi phạm tội, né tránh sang hành vi dân sự hoặc quan hệ kinh tế thông thường.

Bên cạnh đó, do quan điểm, nhận thức pháp luật và đánh giá chứng cứ giữa CQĐT với VKSND nhiều khi không đồng nhất, điều này làm ảnh hưởng đến hiệu quả điều tra làm rõ vụ án Lừa đảo CĐTTS.

- Khởi tố bị can

Khi có đủ căn cứ để xác định một người thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo CĐTTS thì CQĐT ra Quyết định khởi tố bị can. Việc khởi tố bị can Lừa đảo CĐTTS được quy định tại Điều 143, Điều 179, Điều 180 Bộ luật TTHS năm 2015. Sau đó, đề nghị VKS cùng cấp ra Quyết định phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can. Lúc này, Quyết định khởi tố bị can của Cơ quan CSĐT mới có hiệu lực.

Bảng 2.4 Số đối tượng bị khởi tố bị can

Năm	Tổng số vụ việc Lừa đảo CĐTTS	Số vụ đã khởi tố vụ án hình sự	Số bị can	Số đối tượng không bị khởi tố
2013	19	11	19	5
2014	21	14	20	9
2015	25	16	25	18
2016	22	13	17	11
2017	31	15	36	20
2018	40	20	51	70
2019	55	23	63	93
Tổng cộng	213	112	231	226

Nguồn: Công an Thành phố Hà Nội

Theo báo cáo tổng kết của Công an TPHN từ năm 2013 đến năm 2019, có 112/213 vụ Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng khởi tố vụ án (chiếm 52,58%), có 231/457 đối tượng bị khởi tố bị can về tội Lừa đảo CĐTTS (chiếm 50,55%), còn lại 226/457 đối tượng không bị khởi tố hoặc chỉ là hành vi dân sự (chiếm 49,45%).

Các Quyết định khởi tố bị can được CQĐT thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có trường hợp nào ra Quyết định khởi tố bị can khi chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm Lừa đảo CĐTTS. Khi có đủ căn cứ cho thấy có dấu hiệu của tội phạm Lừa đảo CĐTTS thì ĐTV nhanh chóng làm báo cáo đề xuất Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự. Đồng thời nếu đã có đầy đủ tài liệu chứng cứ xác định đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo CĐTTS thì đề xuất khởi tố bị

can, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án Lừa đảo CĐTTS sang VKSND cùng cấp để xem xét phê chuẩn hoặc không phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can. Từ đó có cơ sở pháp lý để tiến hành các biện pháp điều tra tiếp theo.

2.3.1.5. Lập kế hoạch điều tra

Kế hoạch điều tra vụ án là một khâu quan trọng giúp cho hoạt động điều tra vụ án của ĐTV tiến hành có phương hướng, chủ động, có cơ sở, đặc biệt là đối với các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng có tính chất phức tạp.

Qua khảo sát tại Cơ quan CSĐT TPHN, thấy trong 112 vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng đã thụ lý điều tra thì có 15/112 vụ ĐTV không lập kế hoạch điều tra (chiếm 13,39%); có 97/112 vụ ĐTV lập kế hoạch điều tra (chiếm 86,61%). Trong 97 vụ được lập kế hoạch điều tra thì có 30 vụ được lập kế hoạch điều tra chi tiết (chiếm 30,93%), còn lại 67/97 vụ (chiếm 69,07%) được lập kế hoạch điều tra nhưng còn sơ sài, không đầy đủ nội dung theo yêu cầu, chỉ mang tính hình thức. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiệu quả hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng trong thời gian qua chưa đạt hiệu quả cao nhất.

2.3.2. Các biện pháp điều tra và các biện pháp ngăn chặn áp dụng trong giai đoạn điều tra tiếp theo

2.3.2.1. Bắt, khám xét

Về công tác bắt, theo các báo cáo của Công an TPHN, các biện pháp bắt áp dụng với các bị can Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng là: bắt để tạm giam, bắt khẩn cấp, bắt truy nã, bắt quả tang, cụ thể:

- Bắt để tạm giam: có 79/112 đối tượng (chiếm 70,53%)
- Bắt khẩn cấp: có 16/112 đối tượng (chiếm 14,29%)
- Bắt truy nã: có 12/112 đối tượng (chiếm 10,71%)
- Bắt quả tang: có 5/112 đối tượng (chiếm 4,47%)

Trong đó, bắt để tạm giam là biện pháp phổ biến nhất do các đối tượng sau khi thực hiện hành vi lừa đảo CĐTTS một thời gian tương đối dài, người bị hại mới phát hiện và trình báo Cơ quan Công an. Vì vậy, khi CQĐT tiếp nhận và củng cố, nếu có đủ chứng cứ thì sẽ ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can, rồi mới ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với người thực hiện hành vi phạm tội.

Việc tiến hành các biện pháp bắt của Cơ quan CSĐT TPHN nhìn chung đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 110, Điều 112, Điều 113, Điều 114, Điều 115,

Điều 116 Bộ luật TTHS năm 2015. Trước khi tiến hành bắt, ĐTV điều lập kế hoạch bắt với nội dung, phương pháp bắt, lực lượng, thời gian tiến hành cụ thể, vì vậy, việc bắt trong các trường hợp đều đạt kết quả tốt, sự hỗ trợ, phối hợp của các đơn vị Công an cơ sở cũng nhịp nhàng, tạo điều kiện tối đa, phục vụ công tác điều tra đạt hiệu quả cao.

Về công tác khám xét, phần lớn các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng do Cơ quan CSĐT TPHN tiến hành bắt và khám xét chung cùng một thời điểm. Công tác khám xét được thực hiện chủ yếu ở nhà ở, nơi làm việc của đối tượng; việc bắt, khám xét đã đảm bảo được yếu tố bí mật, bất ngờ, nhanh chóng không để cho đối tượng kịp thời tẩu tán công cụ, phương tiện phạm tội cũng như tài sản chiếm đoạt. Để đảm bảo tính bí mật Điều tra viên tiến hành triệu tập đối tượng đến CQĐT làm việc, sau đó công bố Lệnh bắt khẩn cấp hoặc Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam rồi đưa đối tượng về nơi cần khám xét để tiến hành công bố lệnh khám xét và tiến hành khám xét theo lệnh theo đúng quy định tại Điều 195, Điều 198 Bộ luật TTHS năm 2015.

Cùng với công tác bắt và khám xét thì việc kê biên tài sản thường được tiến hành song song. Tuy nhiên biện pháp này chỉ áp dụng trong trường hợp sau khi có Quyết định khởi tố bị can đối với bị can, bị cáo. CQĐT ra Lệnh kê biên tài sản rồi thông báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành theo quy định tại Điều 128 Bộ luật TTHS năm 2015. Do vậy ở thời điểm trước đó đối tượng thường tẩu tán tài sản chiếm đoạt thì CQĐT khó thu hồi được.

2.3.2.2. *Hỏi cung bị can*

- Chuẩn bị hỏi cung: Trước mỗi cuộc hỏi cung, ĐTV nghiên cứu kỹ hồ sơ, tài liệu để nắm bắt và hiểu rõ nhân thân bị can, thái độ khai báo của bị can thông qua các buổi lấy lời khai khi mới bị bắt, tâm lý bị can để chuẩn bị những nội dung cần thiết để làm rõ vụ án, nghiên cứu chuẩn bị về thủ thuật, chiến thuật hỏi cung đem lại hiệu quả, khai thác mở rộng vụ án (nếu cần thiết). Hiện nay, Cơ quan CSĐT Công an TPHN và Cơ quan CSĐT quận huyện đều có phòng hỏi cung bị can, các phòng hỏi cung phần lớn được xây dựng đã lâu, không đầy đủ các điều kiện theo quy định, để đảm bảo cho công tác hỏi cung bị can. Tại phòng hỏi cung của Trại tạm giam Công an Thành phố Hà Nội hiện nay đã được trang bị máy móc, thiết bị phục vụ cho việc ghi âm, ghi hình.

- Lập kế hoạch hỏi cung bị can: Qua trao đổi, nghiên cứu được biết thực tế trước

các buổi hỏi cung, các ĐTV có lập kế hoạch hỏi cung từ trước, nhưng việc lập kế hoạch hỏi cung không nhiều và còn sơ sài, nhất là các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng có thiệt hại không lớn, bị can là người không có trình độ, học thức, dễ đối phó. Đây là việc làm chủ quan của Điều tra viên. Lập kế hoạch hỏi cung bị can là hoạt động rất quan trọng, nội dung của kế hoạch cần phải chi tiết, thể hiện rõ từng câu hỏi mà ĐTV muốn hỏi, điều này giúp ích rất nhiều cho công tác điều tra làm rõ vụ án sau này. Việc lựa chọn phương pháp và chiến thuật hỏi cung hợp lý cũng giúp cho công tác hỏi cung bị can luôn đạt chất lượng, hiệu quả, khai thác được những thông tin cần thiết, quan trọng.

Theo khảo sát tại Cơ quan CSĐT TPHN, cho thấy trong số 112/213 vụ đã khởi tố, 231 bị can, trước khi tiến hành hỏi cung bị can Điều tra viên tiến hành lập kế hoạch hỏi cung có 89/112 vụ (chiếm 79,46%), còn lại 23/112 vụ (chiếm 20,54%) không lập kế hoạch hỏi cung bị can, mà chỉ gạch ý chính và đặt sẵn một số câu hỏi trước khi tiến hành hỏi cung.

- Tiến hành hỏi cung bị can: Do có sự chuẩn bị về mọi mặt nên công tác hỏi cung của Cơ quan CSĐT TPHN đạt hiệu quả khá cao. Qua nghiên cứu hồ sơ các vụ án Lừa đảo CĐTTS do Cơ quan CSĐT TPHN tiến hành điều tra, nhận thấy khi tiến hành hỏi cung 231 bị can có kết quả như sau:

- + Bị can thành khẩn khai báo, có 181/231 bị can (chiếm 78,35%);
- + Bị can từ chối khai báo, có 06/231 bị can (chiếm 2,6%);
- + Bị can khai báo gian dối, có 44/231 bị can (chiếm 19,05%).

Trung bình mỗi vụ án ĐTV thường tiến hành hỏi cung 03 đến 05 lần một bị can, những bị can phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo thì chỉ cần 03 lần hỏi cung là ĐTV có thể kết thúc hồ sơ. Đối với bị can từ chối khai báo hoặc khai báo gian dối, Điều tra viên lập kế hoạch chi tiết về việc hỏi cung, có sự chuẩn bị, nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án ban đầu và chia nhỏ ra thành nhiều lần hỏi cung. Chính vì vậy, qua công tác hỏi cung bị can đã làm rõ, xác định đúng hành vi phạm tội của bị can.

Tùy vào từng bị can, trong những vụ án cụ thể mà ĐTV sử dụng chiến thuật hỏi cung phù hợp với mỗi tình huống nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong hỏi cung bị can. Qua trao đổi với các ĐTV trực tiếp điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS, nhận thấy khi hỏi cung bị can ĐTV sử dụng các chiến thuật hỏi cung như:

- + Đối với bị can thành khẩn khai báo, thì cho bị can viết bản tự khai về hành vi phạm tội Lừa đảo CĐTTS, sau đó tiến hành hỏi cung bằng cách sử dụng câu hỏi thẳng,

câu hỏi gợi nhớ, câu hỏi bổ sung lời khai. Qua nghiên cứu hồ sơ, khi hỏi cung bị can Điều tra viên đã áp dụng chiến thuật này đối với 181 bị can;

+ Đối với bị can khai báo gian dối, ĐTV sẽ áp dụng thủ thuật sử dụng mâu thuẫn trong lời khai, kết hợp sử dụng chứng cứ để đấu tranh, buộc bị can khai nhận hành vi phạm tội. Thực tế Điều tra viên áp dụng chiến thuật này đối với 44 bị can;

+ Đối với bị can từ chối khai báo, Điều tra viên áp dụng chiến thuật tác động tâm lý, giáo dục thuyết phục, đồng thời sử dụng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để đấu tranh buộc bị can phải khai nhận hành vi lừa đảo CĐTTS do mình thực hiện. Chiến thuật này được các Điều tra viên áp dụng đối với 06 bị can.

+ Đối với một số bị can khai báo không thành khẩn, thường có ý định phản cung, thì trong quá trình hỏi cung ĐTV còn mời KSV cùng tham gia. Ngoài việc ghi biên bản hỏi cung chặt chẽ, sau đó ĐTV còn yêu cầu bị can viết bản tường trình, tường thuật.

Thực tế cũng cho thấy vẫn còn một số ĐTV chưa sử dụng thành thạo chiến thuật hỏi cung bị can, nhiều khi sử dụng tràn lan theo cảm tính, gập gù hỏi nấy, không tính toán đến chiến thuật, sử dụng chứng cứ để đấu tranh không đúng lúc, nên chưa phát huy hết hiệu quả, để bị can khai báo quanh co, nhỏ giọt. Việc hỏi cung như vậy là không hiệu quả đối với các đối tượng phạm tội Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng do các đối tượng này thường có chuyên môn sâu và kinh nghiệm dày dặn về lĩnh vực ngân hàng. Trong các biên bản hỏi cung đa số các câu hỏi được đưa ra là câu hỏi thẳng. Nhưng thực tiễn trao đổi với các ĐTV đã sử dụng các chiến thuật hỏi cung, với các loại câu hỏi khác nhau để đấu tranh với bị can nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra, các loại câu hỏi như: Câu hỏi bổ sung lời khai, câu hỏi làm chính xác lời khai, câu hỏi gợi nhớ... Thường là sau khi bị can nhận tội ĐTV mới tiến hành ghi lời khai dưới dạng những câu hỏi thẳng.

Qua nghiên cứu 112 hồ sơ vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng do Cơ quan CSĐT TPHN tiến hành điều tra, nhận thấy hầu hết các bản cung được lập đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Nhưng vẫn còn một số lỗi về hình thức, thủ tục như: không có chữ ký ĐTV và bị can; không gạch bỏ những phần còn trống trong bản cung; ĐTV và bị can chỉ ký vào cuối biên bản chứ không ký vào từng trang của biên bản; thậm chí có trường hợp ĐTV hỏi bị can và nắm những nội dung cơ bản sau đó về viết lại, cho bị can đọc lại và ký tên vào biên bản hỏi cung có sẵn...

Tuy nhiên, có trường hợp ĐTV tiến hành hỏi cung bị can, nhưng bị can không

nhận tội hoặc bị can khai báo có nhiều nội dung mâu thuẫn, nhưng ĐTV không ghi biên bản và cho rằng bị can không khai nhận nên không ghi biên bản. Như vậy, đã vi phạm vào khoản 1 điều 184 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định mỗi lần hỏi cung bị can đều phải lập biên bản. Việc vi phạm trong trường hợp không phổ biến nhưng thực tế vẫn có xảy ra.

Từ việc khảo sát thực tiễn công tác hỏi cung cho thấy trong quá trình điều tra, hỏi cung bị can phạm tội Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng có hiệu quả thiết thực và đóng một vai trò quan trọng trong điều tra vụ án. Song vẫn còn những khó khăn cũng như hạn chế nhất định của ĐTV khi hỏi cung bị can, do vậy thời gian tới cần lưu ý và khắc phục để công tác hỏi cung vừa đúng trình tự, thủ tục pháp luật vừa có ý nghĩa pháp lý chứng minh tội phạm.

2.3.2.3. Trưng cầu giám định

Thực tế điều tra của Cơ quan CSĐT TPHN cho thấy hầu hết đối tượng trưng cầu giám định là tài liệu, chữ ký, tự dạng và con dấu. Việc tiến hành trưng cầu giám định thường gặp một số vấn đề khó khăn đó là tài liệu CQĐT thu giữ được thường không đủ mẫu, không đúng với thời điểm trên tài liệu cần giám định, các tài liệu thu giữ với thời gian khá lâu nên hiệu quả giám định thấp, thời gian giao Kết luận giám định còn chậm gây khó khăn cho hoạt động điều tra. Vì một số trường hợp VKS luôn yêu cầu phải có kết quả giám định hoặc kết quả định giá mới chấp nhận việc phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp trong các trường hợp.

2.3.2.4. Đối chất, nhận dạng

Về biện pháp đối chất:

Theo trao đổi với Cơ quan CSĐT TPĐHN, được biết biện pháp này cũng thường được sử dụng trong quá trình điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng. Vì thực tế có nhiều trường hợp sự việc xảy ra chỉ có người bị hại và đối tượng biết về sự việc, cũng không có người làm chứng và chứng cứ yếu không đủ cơ sở để xử lý đối tượng.

Trên thực tế, trước khi tiến hành đối chất, ĐTV đều lập kế hoạch trình Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra duyệt. Tuy nhiên, vẫn còn một số thiếu sót như: một số vụ, trước khi tiến hành đối chất ĐTV chưa lập kế hoạch đối chất cụ thể, không cách ly những đối tượng cùng một vụ án trước khi đối chất, dễ dẫn đến việc thông nhất lời khai trong quá trình đối chất, nhất là đối với các vụ án có đồng phạm hoặc có sự cấu kết giữa các cán bộ ngân hàng và đối tượng ngoài ngành ngân

hàng, có tính chất phức tạp, đối tượng lừa đảo chuyên nghiệp.

Nghiên cứu hồ sơ Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng xảy ra trên địa bàn TPĐN từ năm 2013-2019, thì có 55/112 vụ án có áp dụng biện pháp điều tra đối chất (chiếm 49,1%), còn lại 57/212 vụ không áp dụng đối chất (chiếm 50,9%), trong đó chủ yếu đối chất giữa người bị hại với bị can và đối chất giữa bị can với bị can.

Qua trao đổi với các ĐTV tại Cơ quan CSĐT TPHN, được biết tất cả mọi trường hợp đối chất trên đều do các ĐTV tiến hành và đạt kết quả không cao, cụ thể: Có 50/55 trường hợp (chiếm 90,9%) đối chất không giải quyết được mâu thuẫn trong lời khai, vì các bên tham gia đều khẳng định lời khai của mình là đúng, gây khó khăn cho quá trình điều tra hoặc các bị can luôn trả lời câu hỏi một cách long vòng, không đúng sự thật để trốn tội. Chỉ có 5/55 trường hợp (chiếm 11,34%) đạt được mục đích của đối chất, đồng thời xác định được lời khai đúng, lời khai gian dối.

Về biện pháp nhận dạng:

Biện pháp nhận dạng trong các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng thường ít được Cơ quan CSĐT TPHN áp dụng do tài sản bị loại tội phạm này chiếm đoạt chủ yếu là tiền, vàng và giấy tờ có giá và phần lớn tài sản bị chiếm đoạt gián tiếp thông qua hệ thống ngân hàng.

2.3.3. Kết quả điều tra, xử lý các vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội

Sau khi đã tiến hành các biện pháp điều tra thu thập chứng cứ chứng minh sự thật một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ hành vi phạm tội của bị can thì Cơ quan CSĐT TPHN tiến hành kết thúc điều tra theo quy định tại Điều 162, Bộ luật TTHS.

Qua nghiên cứu thực tế kết quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng của Cơ quan CSĐT TPHN từ năm 2013-2019, đã tiến hành khởi tố 112/213 vụ Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó có 112 vụ kết thúc điều tra, trong đó, chuyển VKS nhân dân cùng cấp đề nghị truy tố 104/112 vụ (chiếm 92,85%), tạm đình chỉ/đình chỉ ,điều tra 08 vụ (chiếm 7,15%).

Qua trao đổi với các ĐTV được biết nguyên nhân của việc tạm đình chỉ/đình chỉ điều tra phần lớn là khi hết thời hạn điều tra mà chưa xác định được bị can hoặc sau khi khởi tố bị can mà bị can bỏ trốn. Ngoài ra, do số lượng tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng sử dụng công nghệ cao ngày càng tăng và thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp nên khi hết thời hạn điều tra mà CQĐT không thu thập đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh bị can đã thực hiện hành vi phạm tội.

Nhìn chung, từ kết quả điều tra của Cơ quan CSĐT TPHN, có thể thấy rằng Cơ quan CSĐT TPHN đã góp phần không nhỏ trong công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng. Tuy nhiên, công tác điều tra của Cơ quan CSĐT TPHN vẫn tồn tại nhiều thiếu sót, hạn chế, trình độ của đội ngũ Điều tra viên còn nhiều yếu kém dẫn đến tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án không xử lý được đối tượng do những nguyên nhân khác nhau, đây là điểm cần khắc phục trong thời gian tới.

2.4. Nhận xét và đánh giá về hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội trong thời gian qua

2.4.1. Ưu điểm

Thứ nhất, trong quá trình điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng ở hai cấp ở Công an TPHN luôn được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời, sát sao và đúng đắn của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT nên ĐTV, Cán bộ điều tra luôn có sự đầu tư nghiên cứu kỹ lưỡng trong khi tiến hành các hoạt động điều tra, áp dụng các biện pháp điều tra linh hoạt, đúng đắn. Từ đó đưa ra được những nhận định chính xác về các vụ án, những sáng kiến để hoàn thiện các chiến thuật điều tra nhằm khám phá tội phạm nhanh chóng nhất.

Thứ hai, khi tiến hành hoạt động điều tra, ĐTV và cán bộ điều tra luôn giữ vững lập trường, tư tưởng vững vàng, thái độ trong sáng, công minh chính trực, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, đúng với thẩm quyền theo quy định pháp luật và nghiệp vụ của ngành.

Thứ ba, quá trình tiến hành hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn TPHN, Cơ quan CSĐT luôn nhận được sự ủng hộ và hợp tác nhiệt tình của quần chúng nhân dân, các lực lượng liên ngành, sự hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong việc phát hiện, truy bắt đối tượng. Những thông tin thiết thực của quần chúng liên quan đến tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng có vai trò to lớn trong việc phát hiện và điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng đối với Cơ quan điều tra.

Thứ tư, quá trình điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS, Cơ quan CSĐT TPHN đã có sự tổng kết, nhìn nhận được những ưu điểm, hạn chế và những bài học kinh nghiệm. Từ đó phát huy những ưu điểm, khắc phục hạn chế để nâng cao hơn nữa trình độ chuyên môn nghiệp vụ, góp phần hạn chế tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh

vực ngân hàng và đấu tranh khám phá các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng đạt hiệu quả hơn trong thời gian tới.

2.4.2. Những hạn chế, thiếu sót trong hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và nguyên nhân

2.4.2.1. Những hạn chế, thiếu sót

Thứ nhất, về công tác tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng, nhiều tin báo tố giác nội dung không rõ ràng, gây khó khăn cho ĐTV trong việc phân loại, xử lý. Bên cạnh đó, lực lượng được phân công giải quyết tố giác, tin báo của Cơ quan CSĐT TPHN còn quá ít, dẫn đến công tác xác minh và xử lý tin báo chưa kịp thời để phát hiện và ngăn chặn loại tội phạm này.

Thứ hai, trong quá trình điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng, ĐTV và cán bộ điều tra lập kế hoạch điều tra còn sơ sài hoặc không lập kế hoạch điều tra, chỉ dừng lại ở việc xác định các biện pháp nghiệp vụ cần tiến hành, dự kiến các tình huống có thể xảy ra trong quá trình điều tra và các biện pháp cần tiến hành đối với từng bị can, chưa xác định cụ thể các bước trong quá trình điều tra. Chính vì thế, việc triển khai các hoạt động điều tra tiếp theo trong quá trình điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng còn thụ động, chưa khoa học. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến hiệu quả điều tra chưa cao.

Thứ ba, do số lượng Điều tra viên còn ít và áp lực thời hạn điều tra, nên Điều tra viên chỉ tập trung củng cố chứng cứ những vụ đã rõ, không chú tâm và không có thời gian để mở rộng điều tra vụ án đối với những vụ nghi vấn do cùng bị can thực hiện, từ đó bỏ sót tội phạm và tạo điều kiện cho tội phạm tiếp tục phát triển.

Thứ tư, quan điểm trong việc định tội danh và đánh giá chứng cứ, nhận thức pháp luật và xử lý tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng giữa Viện kiểm sát với Cơ quan điều tra ở một số vụ cụ thể chưa thống nhất, điều này gây ảnh hưởng đến quá trình điều tra giải quyết vụ án.

Thứ năm, sự phối hợp giữa Cơ quan CSĐT và các lực lượng trong và ngoài ngành trong công tác điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng còn yếu kém. Cụ thể là, các lực lượng khác trong ngành như: Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, bộ phận quản lý xuất nhập cảnh hay các lực lượng ngoài ngành như ngân hàng chưa có sự phối hợp nhịp nhàng, thủ tục còn rườm rà, không hỗ trợ được nhiều trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng.

Thứ sáu, một số Điều tra viên điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng, nhất là các vụ án có sự tham gia của tội phạm công nghệ cao không có đủ chuyên môn về lĩnh vực ngân hàng hoặc công nghệ, nên trong công tác điều tra còn nhiều lúng túng, thiếu sót. Điều này dẫn đến việc các vụ án này không được xử lý kịp thời, tạo cơ hội cho tội phạm tâu tán tài sản chiếm đoạt hoặc bỏ trốn.

2.4.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót nêu trên

Qua nghiên cứu thực tiễn hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Thành phố Hà Nội, nhận thấy rằng những hạn chế trong công tác điều tra xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau đây:

Một là, pháp luật về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng và cơ chế điều tra tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng còn nhiều hạn chế. Liên quan đến tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng, Bộ luật hình sự mới chỉ quy định các dấu hiệu đặc trưng nhất của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 BLHS 2015) hay tội vi phạm về hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (Điều 206 BLHS 2015) mà chưa quy định rõ dấu hiệu của tội phạm này trong từng lĩnh vực cụ thể, đặc biệt là một lĩnh vực phức tạp như lĩnh vực ngân hàng. Những điều này đã dẫn đến những khó khăn, hạn chế của Cơ quan điều tra trong việc nhận diện tội phạm, làm ảnh hưởng đến chất lượng điều tra, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vướng mắc này đặt ra cho Cơ quan điều tra nhiệm vụ là phải làm rõ về mặt lý luận, cũng như bản chất của tội phạm "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng", xác định các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ gỡ tội và chứng cứ buộc tội, nhằm làm cơ sở để có được nhận thức thống nhất về vấn đề này trong thực tiễn.

Hai là, ĐTV ở Cơ quan CSĐT còn thiếu cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là cấp quận, huyện, cán bộ điều tra với tuổi đời trẻ, tuy năng nổ, nhiệt tình trong công tác đấu tranh tội phạm, nhưng trình độ, năng lực, kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực ngân hàng và công nghệ còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra trong đấu tranh phòng chống tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng. Bên cạnh đó còn có một số ít cán bộ tốt nghiệp ngành ngoài, thiếu kinh nghiệm thực tiễn và chưa được tập huấn về nên các biện pháp nghiệp vụ, các chiến thuật, thủ thuật điều tra còn thiếu linh hoạt, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng ngày càng tinh vi, phức tạp.

Ba là, phần lớn tài sản bị chiếm đoạt trong các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng được thực hiện gián tiếp thông qua hệ thống ngân hàng nên việc xác định người làm chứng rất khó khăn, dấu vết tội phạm để lại ít. Với đặc trưng của loại tội phạm này là hành vi gian dối (giả mạo các loại tài liệu, hợp đồng...) nên quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ gặp nhiều khó khăn, nhất là đối với tội phạm công nghệ cao.

Bốn là, cơ sở vật chất, công cụ, phương tiện kỹ thuật cần thiết phục vụ cho quá trình điều tra, khám phá tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng còn thiếu, chưa đảm bảo, gây khó khăn trong đấu tranh, điều tra khám phá loại tội phạm này.

Năm là, sự bất đồng trong quan điểm tiếp cận, xác định tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng của VKS và CQĐT quan đã gây khó khăn cho quá trình điều tra vụ án.

Sáu là, các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng thường xảy ra với phương thức thủ đoạn tinh vi, phức tạp nhưng yêu cầu quá trình điều tra phải nhanh chóng, kịp thời để ngăn chặn tội phạm tẩu tán tài sản hoặc bỏ trốn. Ngoài ra, thời hạn dành cho hoạt động điều tra theo trình tự của pháp luật là còn ngắn, chưa đủ để Điều tra viên điều tra làm rõ chứng minh sự thật vụ án.

Bảy là, mối quan hệ phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài ngành thực tiễn mới chỉ dựa trên những quy định của văn bản pháp luật có tính chung nhất chứ chưa được quy định thành một cơ chế cụ thể, trong đó xác định rõ trách nhiệm của từng lực lượng tham gia quan hệ phối hợp cũng như công tác chỉ đạo phối hợp, cách thức phối hợp. Chẳng hạn như theo quy định về định giá tài sản cũng như trung cầu giám định theo điều 156 Bộ luật TTHS năm 2003, không quy định thời hạn các cơ quan được trung cầu phải trả lời kết quả giám định, do đó việc CQĐT nhận được kết quả thường bị kéo dài mà không có quy định pháp lý ràng buộc. Từ khi thực hiện Bộ luật TTHS năm 2015, đã có quy định tại điều 208 để khắc phục tình trạng trên.

Tám là, công tác tuyên truyền về thủ đoạn hoạt động của tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng và công tác vận động quần chúng tham gia vào đấu tranh phòng ngừa tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng còn nhiều hạn chế.

Kết luận Chương 2

Chương 2 luận văn dựa trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn quá trình tiến hành hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng của Cơ quan CSĐT TPHN trong thời gian từ năm 2013 -2019, Chương 2 của luận văn đã trình bày những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất: Tình hình, đặc điểm có liên quan đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng CSĐT Công an Thành phố Hà Nội;

Thứ hai: Tổ chức lực lượng CSĐT Công an TPHN trong hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng;

Thứ ba: Quá trình hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng của của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội;

Thứ tư: Nhận xét và đánh giá những ưu, nhược điểm của hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội trong thời gian qua;

Từ thực tế nghiên cứu cho thấy tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn TPHN trong thời gian qua diễn biến phức tạp, hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT đã đạt được những kết quả nhất định. Song bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế, thiếu sót trong hoạt động điều tra do những nguyên nhân khách quan và chủ quan là không thể tránh khỏi. Việc xác định những ưu điểm và hạn chế của hoạt động điều tra đã chỉ ra những vấn đề mà Cơ quan CSĐT cần khắc phục trong thời gian tới để phát hiện, phòng ngừa và đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm nói chung và tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn TPHN. Kết quả nghiên cứu tại chương này là cơ sở để dự báo tình hình tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng cũng như đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra loại tội phạm này của Cơ quan CSĐT TPHN trong thời gian tới.

Chương 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA VỤ ÁN LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Dự báo một số tình hình có liên quan đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian tới

3.1.1. Dự báo tình hình

- **Cơ sở dự báo**

Với vị trí địa lý thuận lợi, vị thế là trung tâm kinh tế - chính trị của đất nước cùng với định hướng hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, điều đó mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức cho nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Theo đó, tình hình kinh tế - xã hội của TPHN sẽ có những biến đổi nhất định và những biến đổi đó sẽ khiến Hà Nội tiếp tục là một địa bàn thuận lợi cho hoạt động của các loại tội phạm kinh tế.

Việc tăng trưởng tín dụng nhanh, mở rộng mạng lưới chi nhánh, điểm giao dịch, trong khi các ngân hàng còn nhiều hạn chế về năng lực quản lý, điều hành, điều kiện cấp tín dụng lỏng lẻo và quy trình kinh doanh quản lý tín dụng chưa chặt chẽ, hệ thống quản trị, nhất là quản trị rủi ro, hệ thống kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ của các ngân hàng hoạt động chưa hiệu quả và chưa phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế dẫn đến rủi ro cao và dễ xảy ra nhiều vi phạm pháp luật trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, các chủ trương, chính sách về kinh tế, về pháp luật của nhà nước và các ngân hàng còn nhiều hạn chế, kẽ hở, chưa đáp ứng kịp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Chính những điều này đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng với nhiều thủ đoạn tinh vi, phức tạp hơn.

Hơn nữa, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tác động sâu rộng đến tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực ngân hàng, tuy nhiên cũng tạo ra nhiều thách thức, rủi ro. Trong tương lai, ngân hàng số sẽ là mục tiêu phát triển của ngành Ngân hàng, đây cũng là mảnh đất màu mỡ để tội phạm công nghệ cao khai thác để chiếm đoạt tài sản

một cách phi pháp. Tội phạm công nghệ cao trong lĩnh vực ngân hàng đang có xu hướng gia tăng nhanh chóng cả về số lượng lẫn mức độ tinh vi, diễn biến phức tạp và gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng.

Mặt khác, đối tượng đấu tranh của tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng là những người có chuyên môn trong lĩnh vực ngân hàng, thủ đoạn phạm tội ngày càng phức tạp, mức độ nguy trang, che giấu tội phạm hết sức tinh vi. Nhiều đối tượng có hiểu biết về pháp luật, có trình độ và thường có sự móc nối, liên kết giữa các đối tượng trong và ngoài ngân hàng nhằm đối phó với Cơ quan CSĐT. Trong khi đó lực lượng trực tiếp tham gia đấu tranh với tội phạm Lừa đảo CĐTTS còn thiếu, trình độ và kinh nghiệm điều tra trong lĩnh vực ngân hàng còn hạn chế, chưa đủ sức để giải quyết những vụ án Lừa đảo Cơ quan CSĐT có tính chất phức tạp trong lĩnh vực ngân hàng đã và đang xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cơ quan CSĐT và các ngân hàng chưa có sự phối hợp hiệu quả, chặt chẽ trong quá trình điều tra vụ án dẫn đến công tác phòng chống tội phạm Lừa đảo CĐTTS trên địa bàn TPHN còn tốn nhiều thời gian và chưa đạt hiệu quả cao.

- ***Nội dung dự báo***

Căn cứ vào tình hình tội phạm và hoạt động điều tra khám phá tội phạm Lừa đảo CĐTTS của Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPHN trong giai đoạn 2013 - 2019, tác giả xin đưa ra một số dự báo về tình hình hoạt động của tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng trong thời gian tới như sau:

Về tình hình tội phạm: Diễn biến của tình hình tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn TPHN sẽ ngày càng phức tạp, có tính chất nguy hiểm và có chiều hướng tăng cả về số lượng vụ án, số người phạm tội và diễn biến tỷ lệ thuận với diễn biến của tình hình tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng trên cả nước. Số vụ tăng giảm mỗi năm sẽ không theo quy luật nhất định, nhưng hậu quả của tội phạm, giá trị tài sản bị chiếm đoạt sẽ nghiêm trọng hơn. Tội phạm có tổ chức và sự cấu kết chặt chẽ giữa các đối tượng trong và ngoài ngành ngân hàng sẽ ngày càng tăng với công cụ phạm tội ngày càng đa dạng;

Về phương thức, thủ đoạn: Đối tượng phạm tội sẽ tìm và sử dụng những phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hơn để thực hiện hành vi Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng, như: sử dụng công nghệ cao để thực hiện hành vi phạm tội, sử dụng các phương tiện hiện đại để làm giả các loại giấy tờ, tài liệu, giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản, hợp đồng mua bán.... để thông qua đó thực hiện hành vi chiếm

đoạt tài sản của mình. Thực tế, ở TPHN, lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người dân và sự yếu kém của ngân hàng đối trong quản lý, giám sát đối với giao dịch ngân hàng trực tuyến, ngân hàng điện tử, bảo mật thông tin cá nhân... đối tượng sẽ thực hiện các hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của người dân và ngân hàng. Sau khi chiếm đoạt được, chúng nhanh chóng thay đổi che giấu hành vi phạm tội, tiêu huỷ chứng cứ, dùng nhiều thủ đoạn để đối phó với các cơ quan quản lý, cơ quan tiến hành tố tụng, đồng thời lợi dụng các mối quan hệ “phức tạp” để tác động, chạy tội, gây khó khăn cho hoạt động tiến hành tố tụng. Đặc biệt khi có dấu hiệu bị phát hiện chúng sẽ chuyển quyền sở hữu tài sản cho người khác nhằm tránh bị kê biên, tịch thu tài sản;

Về đối tượng phạm tội: Tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng có thể chia thành hai nhóm: (i) đối tượng phạm tội là cán bộ ngân hàng; và (ii) đối tượng phạm tội là người làm việc ngoài ngân hàng, trong đó nhóm đối tượng là cán bộ ngân hàng có vai trò chủ chốt thực hiện hành vi phạm tội.

Trong thời gian tới, tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng sẽ ngày càng đa dạng và chuyên nghiệp hơn. Tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng là những người có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực ngân hàng, nhất là về các dịch vụ mới phát triển như ví điện tử, internet banking, mobile banking và các hình thức thanh toán không dung tiền mặt khác. Các đối tượng phạm tội có thể là người Việt Nam hoặc người nước ngoài, có thể hoạt động riêng lẻ hoặc theo tổ chức/đường dây xuyên quốc gia. Bên cạnh đó, tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng thường có sự cấu kết, móc nối giữa các đối tượng trong và ngoài ngân hàng. Tội phạm sử dụng công nghệ cao để lừa đảo CĐTTS sẽ ngày càng gia tăng cả về quy mô, số lượng và thủ đoạn tinh vi, phức tạp, do đó công tác điều tra loại tội phạm này sẽ ngày càng khó khăn hơn.

Về hậu quả: Tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng thường sẽ nhắm vào các chủ thể sau: (i) các ngân hàng thương mại; và các khách hàng có tài sản có giá trị gửi tại các ngân hàng, nhẹ dạ, cả tin, vì vậy, thiệt hại về tài sản sẽ rất lớn. Loại tài sản bị chiếm đoạt trong các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng chủ yếu là tiền. Hiện nay, ở Hà Nội, đây được xem là loại tài sản dễ tẩu tán nhất đối với các đối tượng phạm tội nhưng lại khó điều tra nhất đối với CQĐT do những khó khăn trong việc thu thập và chứng minh chứng cứ.

Ngoài ra, các đối tượng phạm tội Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng

thường là lãnh đạo của các ngân hàng và doanh nghiệp có liên quan. Điều này làm cho tình hình tội phạm ngày càng nghiêm trọng và phức tạp hơn, hoạt động điều tra loại tội phạm sẽ gặp nhiều khó khăn, trở ngại.

Vì vậy, việc nghiên cứu và đưa ra dự báo về tình hình tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn TPHN trong thời gian tới không chỉ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT hai cấp ở Công an TPHN mà còn giúp các ngân hàng hiểu thêm về tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng để từ đó hoàn thiện hệ thống quản lý, giám sát của mình. Tuy dự báo chỉ mang tính khái quát, nhưng nó góp phần quan trọng vào công tác đấu tranh chống tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng nói chung và tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng.

3.1.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian tới

Hà Nội là Thủ đô của đất nước, là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội của miền Bắc, là đầu tàu kinh tế của cả nước. Trong những năm gần đây, cùng với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, tình hình kinh tế - xã hội của TPHN sẽ có những biến đổi nhất định và những biến đổi đó sẽ khiến Hà Nội tiếp tục là một địa bàn thuận lợi cho hoạt động của các loại tội phạm kinh tế. Ngành ngân hàng trên địa bàn Hà Nội chiếm khoảng 28% cả nước đã góp phần đắc lực cho phát triển kinh tế xã hội, góp phần thực hiện vai trò đầu tàu kinh tế của Thủ đô.

Qua nghiên cứu tình hình, cũng như một số tài liệu về điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng, tác giả có thể nêu ra những yếu tố sau đây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn TPHN:

Thứ nhất, những bất cập của cơ chế, chính sách và pháp luật.

Tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng có những đặc trưng riêng so với tội phạm lừa đảo CĐTTS nói chung và hiện nay ngày càng có xu hướng phát triển, diễn biến phức tạp, tinh vi, xảo quyệt, nhưng Bộ luật Hình sự chỉ mới có một điều luật quy định về tội Lừa đảo CĐTTS nói chung, bên cạnh đó cũng chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể, chi tiết.

Về vấn đề định tội danh, chưa có các hướng dẫn cụ thể về các căn cứ để phân biệt tội Lừa đảo CĐTTS với tội phạm có hành vi khách quan tương tự như tội Lạm dụng tín nhiệm CĐTTS, tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Trên thực tế, có rất nhiều vụ án về hành

vi kêu gọi đầu tư góp vốn vào các dự án về bất động sản. Nếu ở giai đoạn đầu thì chúng đơn thuần chỉ là các mối quan hệ dân sự. Sau khi đầu tư thua lỗ, đối tượng lại tiếp tục đưa ra những thông tin sai lệch về dự án, dụ dỗ các nhà đầu tư tiếp tục góp vốn. Mục đích chính của việc này là để lấy số tiền đã kêu gọi được chi trả cho những nhà đầu tư trước. Đến khi không còn khả năng chi trả thì đối tượng bỏ trốn hoặc chây ì không chịu trả. Khi xét xử các vụ án này, các cơ quan Toà án cần phải xác định các giai đoạn và thời gian cụ thể với các vụ án cụ thể để đánh giá ở thời điểm nào chỉ là tranh chấp dân sự, thời điểm nào là phạm tội Lừa đảo CĐTTS và thời điểm nào thì coi là phạm tội Lạm dụng tín nhiệm CĐTTS. Nếu không làm rõ được vấn đề này thì nhiều khi dẫn đến tình trạng hình sự hóa các tranh chấp dân sự hoặc ngược lại gây ra việc bỏ lọt tội phạm. Do vậy, trong một số vụ án xác định một tội phạm là tội Lừa đảo CĐTTS hay tội phạm có tính chất chiếm đoạt khác là khó khăn. Vì vậy, đứng trước một hành vi phạm tội mỗi cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng lại có những nhận thức khác nhau xung quanh việc định tội danh.

Trong hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt là tội phạm sử dụng công nghệ cao, biện pháp tối ưu là truy tìm dấu vết tội phạm bằng các thiết bị công nghệ tin học qua Internet... Tuy nhiên, hiện nay Bộ luật Tố tụng hình sự chưa có quy định tài liệu, thông tin thu thập được bằng biện pháp trên là nguồn chứng cứ, nên không thể chuyển hoá và chứng minh được hành vi phạm tội.

Hiện nay, nước ta chưa có bộ phận chuyên trách làm công việc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng. Một số cán bộ tiến hành điều tra, giải quyết các vụ án về tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn yếu kém, không đáp ứng được yêu cầu thực tế. Hệ thống cơ quan, tổ chức, đơn vị chuyên trách về phòng chống tội phạm kinh tế nói chung, tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng chưa ổn định, không đủ mạnh về thẩm quyền, hiệu quả trong hoạt động. Sự phối hợp trong phòng ngừa, kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm, thực hiện các quy định của pháp luật giữa các tổ chức tín dụng, ngân hàng với các cơ quan chức năng (thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, toà án) không chặt chẽ, thiếu đồng bộ nên chưa phát huy được hiệu quả trong việc phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng.

Thứ hai, những bất cập trong nội bộ hệ thống ngân hàng.

Đạo đức nghề nghiệp và trình độ nghiệp vụ của một số cán bộ ngân hàng xuống cấp trầm trọng, không ít người không chỉ lợi dụng chức vụ, quyền hạn khi thi hành công vụ, lợi dụng các hoạt động nghiệp vụ được giao, thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, tham ô, nhận hối lộ, đòi hối lộ, mà còn cấu kết, móc nối với những người làm việc ngoài ngân hàng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Trong hoạt động thẩm định cho vay, cách thu thập thông tin của một số ngân hàng còn thiếu chặt chẽ, chấm điểm tín dụng vẫn dựa vào nhiều thông tin về tài sản thế chấp do khách hàng cung cấp hoặc dựa vào sự tin tưởng trong một số giao dịch ban đầu, thiếu kiểm chứng.

Việc tăng trưởng tín dụng nhanh, mở rộng mạng lưới chi nhánh, điểm giao dịch, trong khi tổ chức tín dụng còn nhiều hạn chế về năng lực quản lý, điều hành, điều kiện cấp tín dụng lỏng lẻo và quy trình kinh doanh quản lý tín dụng chưa chặt chẽ, hệ thống quản trị, nhất là quản trị rủi ro, hệ thống kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ của các tổ chức tín dụng hoạt động chưa hiệu quả và chưa phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế dẫn đến rủi ro cao và dễ xảy ra nhiều vi phạm pháp luật trong hoạt động ngân hàng.

Thứ ba, quy mô phát triển của ngành ngân hàng trên địa bàn TPHN.

Trên địa bàn Hà Nội hiện nay có 450 tổ chức tín dụng (tính đến chi nhánh cấp I) với đủ các loại hình: ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng chính sách xã hội. Hà Nội là nơi đóng trụ sở chính của nhiều ngân hàng thương mại và là địa bàn có tiềm năng về phát triển tài chính ngân hàng. Điều này đã khiến TPHN trở thành mảnh đất màu mỡ cho sự phát triển của tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng nói chung và tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng.

Thứ tư, chiến lược phát triển ngành ngân hàng trong thời đại 4.0.

Ngành Ngân hàng được coi là lĩnh vực đứng đầu về ứng dụng công nghệ thông tin chắc chắn sẽ chịu sự ảnh hưởng không nhỏ từ sự phát triển liên tục của thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã mở ra dự đoán rằng, ngân hàng số sẽ là tương lai của ngành ngân hàng và là mảnh đất màu mỡ để tội phạm công nghệ cao thực hiện các hành vi lừa đảo CĐTTS theo phương thức và công cụ ngày càng tinh vi hơn. Tại Việt Nam, năm 2019 có hơn 47 ngân hàng cung cấp dịch vụ internet banking, 27 tổ chức cung cấp hơn 3,5 triệu tài khoản ví điện tử nhưng

đến năm 2020, Việt Nam sẽ có 95% ngân hàng triển khai dịch vụ internet banking, mobile banking và 30% ngân hàng triển khai ngân hàng số.

Thứ năm, phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.

Theo Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2545/QĐ-TTg ngày 30/12/2016, Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2020, có 100% các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại có POS; 50% cá nhân, hộ gia đình ở các thành phố lớn sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt; toàn thị trường có trên 300.000 thiết bị chấp nhận thẻ POS. Tuy nhiên, sự tiện lợi này tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn cho chủ thẻ, trong đó phổ biến nhất là thủ đoạn lắp đặt thiết bị tại ATM/POS để sao chép trộm cắp sự liệu, làm giả thẻ ngân hàng... và các hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản khác.

Thứ sáu, trong khi diễn biến của bọn tội phạm này ngày càng phức tạp thì hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS gặp nhiều khó khăn và hạn chế, đó là:

+ Lực lượng làm công tác điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS (điều tra về trật tự xã hội và điều tra tham nhũng, kinh tế, chức vụ) chưa chủ động trong việc phát hiện nguồn tin về tội phạm Lừa đảo CĐTTS mà chủ yếu phụ thuộc vào tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS từ phía công dân. Việc thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm đạt hiệu quả chưa cao, nhiều trường hợp phải gia hạn hoặc tạm dừng, dẫn tới sót lọt tội phạm.

+ Công tác điều tra khám phá án Lừa đảo CĐTTS đạt tỷ lệ chưa cao. Nhiều vụ việc đã được khởi tố vụ án, nhưng do nhận thức của ĐTV, đối tượng lại là người có trình độ, nên dẫn đến nhiều vụ còn kéo dài, thậm chí còn bị câu dằm, bẻ tắc.

+ Kết quả một số hoạt động điều tra còn hạn chế, hiệu quả thấp. Nhiều ĐTV áp dụng các hình thức gọi hỏi, triệu tập đối tượng đang bị tố giác, thiếu các biện pháp nghiệp vụ, dẫn đến đánh động đối tượng nên đã có hành động đối phó lại Cơ quan điều tra, như: tẩu tán, tiêu hủy vật chứng, xóa dấu vết...

+ Công tác phối hợp giữa các lực lượng CSĐT với các ngân hàng còn chưa chặt chẽ dẫn đến việc không kịp thời phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng địa bàn TPHN.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội

Để nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của

lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

3.2.1. Giải pháp về pháp luật

Do sự phát triển và đổi mới không ngừng của ngành ngân hàng trong những năm gần đây, các văn bản pháp luật hình sự chưa theo kịp, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế và bất cập, gây khó khăn cho công tác điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng. Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 chỉ có Điều 174 làm cơ sở pháp lý cho công tác điều tra tội Lừa đảo CĐTTS. Để đấu tranh phòng chống tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng, cần ban hành kịp thời, đầy đủ văn bản hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật hình sự về tội phạm Lừa đảo CĐTTS nói chung và tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng để việc định tội danh được chính xác và thống nhất.

Để hoàn thiện pháp luật hình sự liên quan đến tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng, tác giả đưa ra một số đề xuất như sau:

Một là, cần bổ sung sửa đổi Bộ luật TTHS theo hướng được áp dụng việc phong tỏa tài sản, kê biên, phong tỏa tài khoản trong quá trình giải quyết tin báo, tố giác tội phạm (trước khi khởi tố) nhằm hạn chế việc người phạm tội tẩu tán tang vật tiêu hủy chứng cứ.

Hai là, cần sửa đổi khoản 1 điều 183 Bộ luật TTHS năm 2015 việc hỏi cung bị can cần quy định cụ thể sau: “*hỏi cung bị can tiến hành ngay sau khi quyết định khởi tố bị can được VKS phê chuẩn*” thay cho cụm từ “*hỏi cung bị can tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can*”.

Ba là, cần có văn bản hướng dẫn về một số quy định tại Điều 174 BLHS năm 2015, ví dụ như:

“Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”: có nghĩa là gây ra những tác động xấu đến tình hình an ninh, tác động tiêu cực đến trật tự, an toàn xã hội. Nhưng cụ thể mức độ thế nào là ảnh hưởng xấu, cơ quan nào là đơn vị xác định mức độ ảnh hưởng xấu, thì cần hướng dẫn cụ thể để tránh xảy ra oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

“Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ”: cần hướng dẫn cụ thể cơ sở để xác định tài sản bị chiếm đoạt là phương tiện kiếm sống của người bị hại và gia đình.

Bốn là, cần quy định cụ thể về các trường hợp áp dụng hình phạt bổ sung theo

quy định tại Khoản 5 của điều 174 BLHS 2015. Đây là điều khoản mang tính chất tùy nghi nhằm mục đích áp dụng linh hoạt trong hoạt động xét xử. Tuy nhiên, qua nghiên cứu thực tiễn đã được phân tích ở trên, vì tính chất tùy nghi của điều khoản này lại dẫn đến nhiều trường hợp hình phạt bổ sung không được vận dụng thoả đáng, làm giảm tính răn đe tội phạm.

Năm là, ngân hàng là một lĩnh vực đặc thù, do đó, cần có các văn bản hướng dẫn cụ thể về hoạt động điều tra đối với các tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng nói chung và tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng. Trước những phương thức, thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng ngày càng tinh vi, hậu quả thiệt hại nghiêm trọng cả trên phương diện kinh tế và xã hội, ngành Công an và Ngân hàng cần sớm phối hợp xây dựng Quy chế phối hợp đấu tranh phòng chống tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó có tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sáu là, cần có quy định hướng dẫn cụ thể về công tác thu thập chứng cứ của lực lượng CSĐT trong các vụ án có sự tham gia của tội phạm công nghệ cao.

Bảy là, Bộ Công an cần quan tâm, nghiên cứu, xây dựng và ký kết các Quy chế phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong thanh tra, kiểm tra, giám sát các ngân hàng và trong công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng. Nội dung quy chế phối hợp cần cụ thể, thiết thực, phối hợp trong cả hoạt động nghiệp vụ, hoạt động thanh tra, giám sát cũng như phòng ngừa, phát hiện, điều tra tội phạm kinh tế trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó có tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản chứ không chỉ đơn thuần là việc trao đổi, cung cấp thông tin hành chính. Quan tâm đề ra các biện pháp cảnh báo, phòng ngừa tội phạm, phối hợp cung cấp thông tin điều tra tội phạm, chú ý sàng lọc thông tin có tính chất ảnh hưởng hệ thống tới hoạt động của ngân hàng.

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu, sửa đổi nội dung Điểm d – Mục 2.2. – Chương II của Thông tư số 02/2001/TT-NHNN ngày 04/4/2001 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định số 70/2000 của Chính phủ về việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng, quy định: “Ngân hàng chỉ cung cấp tài liệu liên quan đến khách hàng khi cơ quan điều tra khởi tố vụ án và khởi tố bị can” theo hướng quy định cụ thể hơn về phạm vi tài liệu được trao đổi phục vụ quá trình điều tra trước khi áp dụng các hoạt động theo quy định của Luật Tố tụng hình sự.

Tóm lại, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Ngân hàng nhà nước phối hợp xây dựng, ban hành Thông tư liên tịch về quan hệ phối hợp trong phát hiện, điều tra, xử lý các vụ việc có dấu hiệu phạm tội trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó có tội phạm tham ô tài sản, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho hoạt động của các ngành trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng.

Ngoài ra, Nhà nước cũng cần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động ngân hàng. Ngân hàng Nhà nước cần ban hành một khung pháp lý cho hệ thống tài chính và cơ chế giám sát hữu hiệu hỗ trợ cho hệ thống ngân hàng để kiềm chế việc cho vay quá nhiều mà ngân hàng không kiểm soát được chất lượng tín dụng,

3.2.2. Giải pháp đối với lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội

3.2.2.1 Giải pháp về tổ chức lực lượng và cơ sở vật chất

Hoạt động điều tra vụ án hình sự nói chung, điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng là một hoạt động phải tuân thủ các quy định của Bộ luật TTHS, để đảm bảo hoạt động này đạt hiệu quả, thì nhiệm vụ đặt ra trong thời gian đến đối với Cơ quan Cảnh điều tra hai cấp ở thành phố Hà Nội là xây dựng, đào tạo đội ngũ Điều tra viên, Cán bộ điều tra có đầy đủ phẩm chất chính trị, trình độ pháp luật, nghiệp vụ chuyên môn với đầy đủ năng lực, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm là những yếu tố mang tính chất quyết định.

Để nâng cao hiệu quả điều tra của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, tác giả đưa ra một số đề xuất như sau:

Thứ nhất, cần kiện toàn tổ chức bộ máy của Cơ quan CSĐT TPHN.

ĐTV của toàn Công an thành phố Hà Nội còn thiếu cả về số lượng và chất lượng, đây là nguyên nhân dẫn đến tình trạng qua loa, đại khái khi giải quyết công việc, làm ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động điều tra. Do đó, Công an thành phố Hà Nội cần tăng cường công tác tuyển chọn, bổ sung thêm đội ngũ cán bộ, đặc biệt là những Cán bộ điều tra có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS, chọn lựa số sinh viên được đào tạo chính quy trong các trường Công an nhân dân, theo đúng chuyên ngành điều tra tội phạm. Ngoài ra cần bổ nhiệm chức danh Cán bộ điều tra cho những cán bộ đủ điều kiện, đây là nguồn để bổ sung cho lực lượng Điều tra viên sau này. Ngoài ra, cần thường xuyên có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng điều tra cho số cán bộ được phân công làm công tác điều tra được tuyển dụng từ các ngành ngoài, ví dụ như kinh tế,

công nghệ thông tin...

Các phòng, đội CSĐT thuộc Cơ quan CSĐT TPHN cần có sự chuyên môn hóa chức năng, nhiệm vụ cho từng phòng, đội, tránh sự chồng chéo, đùn đẩy, ỷ lại trong công việc dẫn đến hiệu quả hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng và tội phạm sử dụng công nghệ cao không cao. Cần tăng cường hơn nữa nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, để mỗi Cán bộ chiến sĩ đều nắm được chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của đơn vị trong công tác phòng ngừa, đấu tranh tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng. Bên cạnh đó, cần tăng cường mối quan hệ phối hợp, linh động hơn nữa giữa các lực lượng để phát huy được sức mạnh của toàn lực lượng nhằm giải quyết có hiệu quả trong hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng. Chẳng hạn như việc phối hợp chặt chẽ với Phòng Cảnh sát truy nã cung cấp, trao đổi thông tin để truy bắt các đối tượng bị truy nã về tội Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng.

Thứ hai, cần nâng cao chất lượng công tác điều tra, xử lý tội phạm của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội. Lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội cần nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động thu thập, xử lý thông tin tài liệu phản ánh về tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản; sử dụng tốt hệ thống mạng lưới thông tin trinh sát để phát hiện thông tin kịp thời. Sau khi đã tiếp nhận tin báo, phải nhanh chóng xác minh, thu thập tài liệu, củng cố chứng cứ buộc tội bằng những hoạt động như: xác minh qua người báo tin, bị hại, người làm chứng, lấy lời khai ban đầu, khám xét... tránh để đối tượng tiêu hủy tài liệu chứng cứ cũng như tẩu tán tài sản có được từ hoạt động phạm tội. Mỗi điều tra viên thuộc lực lượng Cảnh sát kinh tế cần nâng cao tinh thần trách nhiệm, trau dồi đạo đức nghề nghiệp, kiến thức nghiệp vụ để có thể phục vụ tốt nhất cho hoạt động điều tra tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hoạt động điều tra, xử lý tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản góp phần làm cho pháp luật được thực thi một cách nghiêm minh, xử lý đúng người, đúng tội. Hơn nữa, thông qua hoạt động này còn có tác dụng răn đe các đối tượng khác không tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội tránh hậu quả nghiêm trọng hơn hoặc từ bỏ ý định thực hiện hành vi phạm tội với những đối tượng đang trong giai đoạn chuẩn bị.

Thứ ba, cơ sở vật chất và kinh phí phục vụ cho hoạt động điều tra tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố Hà Nội trong những năm qua mặc dù đã có sự quan tâm, song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác điều tra tội phạm nói

chung và tội phạm lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng. Một số Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp quận huyện hoặc phường xã chưa được trang bị các phương tiện kỹ thuật, công cụ cần thiết cho hoạt động điều tra vụ án như thiết bị ghi âm, ghi hình có âm thanh tại phòng hỏi cung theo quy định mới của Bộ luật TTHS..., kinh phí chi trả cho việc định giá tài sản, giám định tài liệu. Kiến nghị trong thời gian tới cần đề xuất việc trang bị công cụ, phương tiện và nguồn kinh phí hàng năm để đảm bảo cho hoạt động điều tra tội phạm lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng ở Thành phố Hà Nội được tiến hành nhanh chóng, chính xác và đạt hiệu quả, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

3.2.3.2. Giải pháp nâng cao chiến thuật điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Thứ nhất, tổ chức khẩn trương, hiệu quả công tác tiếp nhận, kiểm tra, xác minh các tố giác, tin báo về tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng. Khi tiếp nhận tố giác, tin báo, cần phải thực hiện theo đúng quy trình quy định tại các Điều 145, 146, 147 Bộ luật tố tụng hình sự và Thông tư 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN& PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017, quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật TTHS năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Thứ hai, tăng cường công tác nắm tình hình theo địa bàn, lĩnh vực trọng điểm. Công tác nắm tình hình theo địa bàn, lĩnh vực trọng điểm là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động của lực lượng CSĐT và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng; được xác định là bước đệm cho tất cả các hoạt động nghiệp vụ khác của lực lượng CSKT. Chỉ có thể tiến hành công tác nghiệp vụ khác đạt kết quả cao nhất khi công tác nắm tình hình địa bàn đã được thực hiện một cách nghiêm túc và có khoa học, chú trọng hoạt động điều tra theo TTHS trong điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng xảy ra trên địa bàn TPHN. Bên cạnh những vụ việc có sự chỉ đạo của chính quyền cấp trên thì việc điều tra, khám phá những vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng cũng cần phải được tiến hành giải quyết nhanh chóng, thu hồi lại tài sản bị chiếm đoạt, tạo lòng tin cho người dân và ngân hàng.

Thứ ba, sử dụng tổng hợp, đồng bộ các hoạt động nghiệp vụ trinh sát, hỗ trợ điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng. Bên cạnh việc áp dụng đúng pháp luật, các quy định hiện hành thì việc sử dụng các biện pháp nghiệp vụ cũng

rất cần thiết, đặc biệt là nắm tình hình, rà soát đối tượng hay nắm di biến động của đối tượng, hỗ trợ cho công tác điều tra các vụ án Lừa đảo CĐT. Sử dụng biện pháp điều tra đặc biệt theo quy định của Bộ luật TTHS 2015 (từ điều 223 đến 228) khi xét thấy cần thiết và đủ điều kiện để được áp dụng các biện pháp điều tra đặc biệt này, nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất trong quá trình điều tra các vụ án lừa đảo CĐT có tổ chức thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng.

Thứ tư, thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp giữa lực lượng CSĐT với các lực lượng trong và ngoài ngành trong phòng ngừa tội phạm Lừa đảo CĐT trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thông qua công tác phối hợp này để chủ động phát hiện sớm tội phạm Lừa đảo CĐT trong lĩnh vực ngân hàng cũng như xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân. Ngoài ra, cũng cần thực hiện có hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa lực lượng ĐTV với các lực lượng khác và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm Lừa đảo CĐT trong lĩnh vực ngân hàng. Việc mở rộng các mối quan hệ hợp tác quốc tế cũng góp phần quan trọng trong công tác truy tìm những đối tượng truy nã đã trốn ra nước ngoài.

Trong quá trình điều tra vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng, lực lượng Cảnh sát kinh tế cần chủ động phối hợp tốt với các cơ quan chức năng như Viện Kiểm sát, Tòa án để thống nhất về chứng cứ và quan điểm xử lý, đảm bảo tính kiên quyết, mềm dẻo, đáp ứng được các yêu cầu chính trị, pháp luật và nghiệp vụ. Tuy nhiên, để hạn chế tới mức thấp nhất những ảnh hưởng có thể gây ra và giữ vững sự ổn định của thị trường tài chính cũng như hệ thống ngân hàng thì hoạt động điều tra cần phải tinh toán, cân nhắc thận trọng và lựa chọn thời điểm, biện pháp điều tra một cách phù hợp nhất. Quá trình điều tra theo quy định của Luật Tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra cần xác định đối tượng chủ mưu, đối tượng đồng phạm để áp dụng biện pháp ngăn chặn phù hợp với từng đối tượng. Đối với vụ án khởi tố, cần khẩn trương điều tra, kết luận, đề nghị truy tố, xét xử trước pháp luật. Đồng thời, lực lượng Cảnh sát kinh tế cũng cần chú ý phối hợp với các cơ quan chức năng kịp thời tạm giữ, kê biên, phong tỏa tài sản của các đối tượng phục vụ công tác điều tra, triệt để thu hồi tài sản, hạn chế đến mức thấp nhất việc để các đối tượng trốn, tẩu tán tài sản, tiêu hủy tài liệu, vật chứng có liên quan.

Công an thành phố Hà Nội cần chủ động xây dựng mối quan hệ phối hợp với quan thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ ngân hàng trong việc tuyên truyền,

cảnh báo thủ đoạn phạm tội của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng. Đặc biệt cần chủ động phối hợp với ngành ngân hàng, nhất là cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 16/3/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về công tác thanh tra, giám sát, phòng chống tham nhũng sai phạm trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

Thứ năm, thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra và tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm trong điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTTS. Đây là việc làm nhằm đánh giá lại những công tác đã làm được để phát huy, và những công tác chưa làm được để rút kinh nghiệm cho những vụ án Lừa đảo CĐTTS tiếp theo. Qua công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện những sai phạm trong hoạt động tố tụng để chấn chỉnh.

Thứ sáu, Công an thành phố Hà Nội và các ngân hàng cần phối hợp để phổ biến, giáo dục kiến thức pháp luật cho người dân. Mục đích của hoạt động này là nhằm nâng cao ý thức tự bảo quản tài sản cho quần chúng nhân dân, nhận thức được những thủ đoạn của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản để tránh trở thành bị hại của loại tội phạm này, hơn thế nữa, quần chúng nhân dân còn có thể cung cấp thông tin, tố giác tội phạm, kéo giảm tỷ lệ tội phạm ẩn. Nội dung hướng tới việc phổ biến kiến thức pháp luật hình sự quy định về tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng, những quy định về hợp đồng, tài sản... trong Bộ luật Dân sự. Để nâng cao hiệu quả của hoạt động điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng, Công an thành phố Hà Nội cần tổ chức tốt công tác vận động quần chúng tố giác tội phạm. Đây được coi là giải pháp hữu hiệu đối với việc làm giảm tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng. Công an thành phố Hà Nội có thể thực hiện công tác này bằng nhiều hoạt động khác nhau như: Phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông, các tổ chức, hội... để vận động. Thông qua công tác này, lực lượng Công an thành phố Hà Nội sẽ thu thập được nhiều hơn những thông tin phản ánh về tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng, bổ sung tài liệu hỗ trợ việc phát hiện, quản lý đối tượng cũng như ngăn chặn hoạt động phạm tội của tội phạm.

Kết luận Chương 3

Dựa trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá về hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng của Cơ quan CSĐT TPHN trong thời gian từ năm 2013 - 2019, chương 3 của luận văn đã trình bày những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất: Dự báo một số tình hình có liên quan đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng xảy ra trên địa bàn TPHN trong thời gian tới. Gồm: Dự báo về tình hình và Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian tới.

Thứ hai: Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an TPHN. Gồm: Giải pháp về pháp luật và Giải pháp đối với lực lượng Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội.

Từ thực tế nghiên cứu cho thấy việc điều tra, xử lý tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng vẫn còn gặp phải những khó khăn nhất định do những bất cập trong quy định của pháp luật hình sự và trình độ nghiệp vụ còn nhiều thiếu sót của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an TPHN. Do đó, kết quả nghiên cứu tại chương này đã góp phần đưa ra những giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra loại tội phạm này của Cơ quan Cảnh sát điều tra TPHN trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài "Điều tra vụ án Lừa đảo CĐTĐ trong lĩnh vực ngân hàng từ thực tiễn TPHN". Tác giả đã làm rõ các nội dung nghiên cứu và đạt được một số kết quả sau đây:

Thứ nhất, nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về tội phạm Lừa đảo CĐTĐ trong lĩnh vực ngân hàng, đưa ra khái niệm về tội phạm Lừa đảo CĐTĐ trong lĩnh vực ngân hàng, từ đó phân tích các dấu hiệu pháp lý của loại tội phạm này. Bên cạnh đó, luận văn cũng làm rõ khái niệm về điều tra vụ án Lừa đảo CĐTĐ trong lĩnh vực ngân hàng, cơ sở pháp lý của hoạt động điều tra, những vấn đề cần chứng minh trong vụ án Lừa đảo CĐTĐ trong lĩnh vực ngân hàng, cách thức tổ chức và tiến hành các hoạt động điều tra. Việc nghiên cứu các vấn đề lý luận về tội Lừa đảo CĐTĐ trong lĩnh vực ngân hàng và điều tra loại tội phạm này là cơ sở quan trọng để CQĐT và các ĐTV có các nhận thức đúng đắn về tội phạm Lừa đảo CĐTĐ trong lĩnh vực ngân hàng, từ đó phân biệt tội Lừa đảo CĐTĐ với một số tội phạm khác và hoàn thiện kỹ năng, nghiệp vụ để hoạt động điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTĐ trong lĩnh vực ngân hàng đạt hiệu quả cao hơn trong thời gian tới.

Thứ hai, Luận văn đã nghiên cứu tình hình tội phạm Lừa đảo CĐTĐ trên địa bàn TPHN nói chung và tình hình tội phạm Lừa đảo CĐTĐ trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng trên địa bàn TPHN và từ đó đánh giá kết quả hoạt động điều tra những vụ án Lừa đảo CĐTĐ trong lĩnh vực ngân hàng của lực lượng Cảnh sát điều tra Công an TPHN. Qua đó, Luận văn nhìn nhận, chỉ ra những ưu điểm cũng như những hạn chế, thiếu sót đang tồn tại trong hoạt động điều tra để lực lượng Cảnh sát điều tra Công an TPHN phát huy và khắc phục trong thời gian tới. Ngoài ra, nêu và phân tích những vướng mắc, bất cập trong hoạt động điều tra vụ án Lừa đảo CĐTĐ trong lĩnh vực ngân hàng và những nguyên nhân của thực trạng này.

Thứ ba, dựa trên phân tích hoạt động điều tra các vụ án Lừa đảo CĐTĐ trong lĩnh vực ngân hàng của Công an TPHN, Luận văn cũng đưa ra một số dự báo về tình hình loại tội phạm trong thời gian sắp tới. Bên cạnh đó, tác giả cũng đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về điều tra tội phạm Lừa đảo CĐTĐ trong lĩnh vực ngân hàng và khắc phục, nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra các vụ án này.

Trên cơ sở nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn mong muốn góp phần làm rõ thêm một số vấn đề lý luận và thực tiễn để hiểu sâu sắc hơn về tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng và hoạt động điều tra loại tội phạm này, từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm Lừa đảo CĐTTS nói chung và tội phạm Lừa đảo CĐTTS trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 112 Bản án của các Tòa án nhân dân hai cấp Thành phố Hà Nội trong giai đoạn năm 2013 đến năm 2019 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực ngân hàng.
2. Luật sư Phạm Tuấn Anh (2016), *“Một số dấu hiệu cơ bản của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bộ Công an (2015), *Quyết định số 1319/QĐ-BCA-C41, ngày 20/3/2015, Ban hành Quy trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong Công an nhân dân.*
4. Đỗ Mạnh Bồng, *Kinh nghiệm trong công tác giải quyết các vụ án về tham nhũng, kinh tế*, Tạp chí Kiểm sát số 01/2019.
5. Lê Cẩm (1999), *“Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền, một số vấn đề cơ bản của Phần chung”*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (2005), *“Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật Hình sự (Phần chung)”*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Công an Thành phố Hà Nội (2013), *“Báo cáo Tổng kết kết quả công tác năm 2013, Chương trình công tác năm 2014 của Công an Thành phố Hà Nội”*.
8. Công an Thành phố Hà Nội (2014), *“Báo cáo Tổng kết kết quả công tác năm 2014, Chương trình công tác năm 2015 của Công an Thành phố Hà Nội”*.
9. Công an Thành phố Hà Nội (2015), *“Báo cáo Tổng kết kết quả công tác năm 2015, Chương trình công tác năm 2016 của Công an Thành phố Hà Nội”*.
10. Công an Thành phố Hà Nội (2016), *“Báo cáo Tổng kết kết quả công tác năm 2016, Chương trình công tác năm 2017 của Công an Thành phố Hà Nội”*.
11. Công an Thành phố Hà Nội (2017), *“Báo cáo Tổng kết kết quả công tác năm 2017, Chương trình công tác năm 2018 của Công an Thành phố Hà Nội”*.
12. Công an Thành phố Hà Nội (2018), *“Báo cáo Tổng kết kết quả công tác năm 2018, Chương trình công tác năm 2019 của Công an Thành phố Hà Nội”*.
13. Công an Thành phố Hà Nội (2019), *“Báo cáo Tổng kết kết quả công tác năm 2019, Chương trình công tác năm 2020 của Công an Thành phố Hà Nội”*.
14. Cục thống kê Thành phố Hà Nội, *“Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2019”*.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về "Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới"*, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020"*, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới"*, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới"*, Hà Nội.
19. Đoàn Ngọc Hải (2019), *Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam – Lý luận và thực tiễn*, Tạp chí điện tử Tòa án nhân dân.
20. Ngô Thị Hạnh (2016), *Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong Luật hình sự Việt Nam*, thegioiluat.vn
21. Nguyễn Quang Hiền, *Nhận diện tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng và các kiến nghị phòng ngừa, xử lý*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, 2015.
22. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), *Phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học*, Tạp chí luật học,(06), tháng 6.
23. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006, Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
24. Bùi Thị Lan Hương (2017), *Một số nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn miền Đông Nam Bộ*, Khoa học Kiểm sát số 04, 2017.
25. Thượng úy, Th.s Đỗ Thị Mai Hương (2018), *Hoạt động đánh giá chứng cứ của Điều tra viên trong việc đề xuất Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can phạm tội Lừa đảo CDTS*, Tạp chí CSND.
26. Thượng tướng, GS, TS. Tô Lâm (2017) (chủ biên), *Tài liệu tập huấn chuyên sâu Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017*, Nxb Thanh niên.
27. Thượng tướng, GS, TS. Tô Lâm (2016) (chủ biên), *Tài liệu tập huấn chuyên sâu*

- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Thanh niên.
28. Cao Thị Oanh (chủ biên) (2015), “*Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt tài sản*”, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
 29. Đinh Văn Quế (Số 4/2016), “*Thế nào là bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản?*” Luật sư Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam.
 30. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 31. Quốc hội (2010), *Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 32. Quốc hội (2016), *Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 33. Quốc hội (2004), *Bộ luật Tố tụng Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 34. Quốc hội (2014), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 35. Quốc hội (2015), *Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13*, Công báo số 1263+1264 ngày 31/12/2015.
 36. Lê Thanh Tâm, Phạm Thị Thu Thảo, *Tội phạm công nghệ cao đối với ngành Ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0: thực trạng và một số khuyến nghị chính sách*, Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng số 192 tháng 5/2018.
 37. Quang Thắng, *Tìm hiểu nội dung Điều 290 BLHS năm 2015 về “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”*, 06/05/2019, <https://conganquangbinh.gov.vn/>.
 38. Vũ Quốc Thắng (số 21/1997), *Xác định ranh giới giữa các tội lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với giao dịch dân sự*, Tạp chí Kiểm sát.
 39. Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV .Các tội xâm phạm sở hữu. Bộ luật hình sự năm 1999.
 40. Thông tư liên tịch 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT&VKSNDTC,

- ngày 02/8/2013, Hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.
41. Bộ Công an, Thông tư số 28/2014/TT-BCA, ngày 07/7/2014, Quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân.
 42. Thông tư liên tịch 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT&VKSNDTC, ngày 29/12/2017, Hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.
 43. Thông tư liên tịch 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP về việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.
 44. Thông tư liên tịch 01/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC về quan hệ phối hợp giữa cơ sở giam giữ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và VKS có thẩm quyền kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam
 45. Thông tư liên tịch 02/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC quy định chi tiết trình tự, thủ tục, thời hạn, địa điểm bị can đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến bào chữa
 46. Thông tư liên tịch 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can; sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.
 47. Thông tư 07/2018/TT-BCA về quy định việc phạm nhân gặp thân nhân; nhận, gửi thư; nhận tiền, đồ vật và liên lạc điện thoại với thân nhân
 48. Tổng cục Cảnh sát, Cục CSĐT tội phạm về kinh tế và tham nhũng (2017), *Tài liệu tập huấn Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) và các bộ luật, luật có liên quan; công tác nghiệp vụ cơ bản; công tác giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của lực lượng Cảnh sát kinh tế*.
 49. Đại tá Nguyễn Thanh Tùng (2018), *“Nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra tội phạm Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo chức năng của lực lượng CSHS, CATP Hà Nội”*, Hà Nội.
 50. Tòa án nhân dân tối cao, *“Báo cáo tình hình xét xử các tội phạm kinh tế tham*

- những trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tháng 10/2014”.*
51. Nguyễn Đình Trung (2013), “*Quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra cấp huyện trong điều tra, truy tố các vụ án xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*”, Khóa Luận Tốt nghiệp.
 52. Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam, tập I*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 53. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam, tập II*, Nxb Công an nhân dân (2015)
 54. Nguyễn Xuân Trường, *Tìm hiểu về đặc điểm của tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng ở Việt Nam hiện nay*, <http://noichinh.vn/ngghien-cuu-trao-doi/201305/tim-hieu-ve-dac-diem-cua-toi-pham-ttron-ling-vuc-ngan-hang-o-viet-nam-hien-nay-291339/>, 18/05/2013
 55. Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1970), *Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa*, ngày 21/10/1970.
 56. Phùng Thế Vắc, Trần Văn Luyện, Phạm Thanh Bình, Nguyễn Đức Mai, Nguyễn Sĩ Đại, Nguyễn Mai Bộ (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự 1999, (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 57. Viện khoa học pháp lý - Bộ tư pháp (2008), *Từ điển Luật học*, Nxb Tư pháp.
 58. Viện Từ điển học và Bách khoa toàn thư Việt Nam, *Từ điển Bách khoa*, <http://bachkhoatoanthu.vass.gov.vn>.
 59. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 60. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình lý luận chung về định tội danh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
 61. Võ Khánh Vinh (9/2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 62. Nguyễn Xuân Yêm (2003), *Tội phạm có tổ chức, mafia và toàn cầu hóa tội phạm*", Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.